

Kinh Kim Cang

*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng
Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai*

Tất cả Phật pháp có thể tóm vào một chữ “xả”¹—xả bỏ mọi chấp trước. Chấp trước² là bám víu, nắm giữ, vướng mắc. Xả bỏ chấp trước là xả bỏ bám víu, nắm giữ, vướng mắc. Đó là vô chấp. Và đó cũng là Niết bàn,³ là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-Giác.⁴

Phật pháp luôn luôn mang ba dấu ấn⁵-- vô thường, vô ngã, Niết bàn.⁶ Giáo lý nào thiếu một trong ba dấu ấn này thì không phải là Phật pháp. **Vô thường** tức là không thường hằng, hay nói cách khác là không chấp vào ý niệm rằng mọi sự trong vũ trụ cứ như thế, không thay đổi. **Vô ngã** tức là không có một “tôi” bất biến, vĩnh cửu, hay nói cách khác là không chấp vào ý niệm về một “tôi” bất biến vĩnh cửu. “Tôi” chỉ là kết hợp tạm thời và luôn thay đổi của những thứ khác. Một lúc nào đó kết hợp này sẽ rã ra và tôi không còn nữa.⁷ **Niết bàn** là lửa đã tắt, là không còn chấp vào bất kỳ điều gì; Niết bàn là thanh tịnh trống rỗng.⁸

Kinh Kim Cang nhằm đoạn trừ tất cả chấp trước. Tên đầy đủ của Kinh Kim Cang là Kim Cang Năng Đoạn Bát-nhã Ba-la-mật-đa.⁹ Kim cang hay kim cương là kim loại cứng nhất, có thể cắt được tất cả các kim loại khác. Năng đoạn tức là có khả năng đoạn trừ, đoạn trừ mọi chấp trước. Bát-nhã ba-la-mật-đa tức là trí tuệ đưa đến bờ bên kia, trí tuệ giải thoát.

Bát Nhã Tâm Kinh dạy rằng: “Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc.”¹⁰ Sắc là hình tướng, là biểu hiện bên ngoài, gọi là “tướng”, như là sóng; Không là bản thể, gọi là “tánh”, như là nước. Sóng là biểu hiện (tướng) của nước, nước là bản thể (tánh) của sóng. Tướng thì ở bên ngoài, chuyển động, phù du, tương đối. Tánh thì

¹ Upeksha (S.), to let go, to abandon, to relinquish. (S.) là chỉ tiếng Sanskrit.

Tác giả thành thật cảm ơn chị Diệu Tâm đã đọc bản thảo và sửa chữa.

² Lagati (S.), to attach, to cling, to grasp.

³ Nirvana (S.)

⁴ Anuttara Samyak Sambodhi (S.), A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

⁵ Tam pháp ấn, trilaksana (S.), three dharma seals.

⁶ Vô thường là anytā (S), impermanence; vô ngã là Anatma (S), non-self; Niết bàn là Nirvana.

⁷ Thông thường người ta hay hiểu “ngã” là “tôi.” Tuy nhiên, “ngã” nên được hiểu là “hiện hữu” vì không phải chỉ có tôi có ngã, mà tất cả mọi người, mọi chúng sinh, và mọi pháp đều xem như là có ngã, tức là có một hiện hữu (Đó là nói theo cách nói “chấp có”). Do đó, “vô ngã” cũng có một ý nghĩa rất rộng rãi, đi xa hơn là tôi, đến mọi người, mọi chúng sinh, mọi pháp. Nửa sau của Kinh Kim Cang (từ Đoạn 17) nói về khái niệm “ngã” và “vô ngã” rộng rãi và rõ ràng này.

⁸ Tam pháp ấn thường được tóm tắt như sau: Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết bàn tịch tịnh.

⁹ Vajracchedika Paramita Sutra, the Diamond Sutra.

¹⁰ Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Xin xem *Tiểu Luận Về Bát Nhã Tâm Kinh*, việt dịch Diệu Tâm và Trần Đình Hoàng, <http://www.scribd.com/doc/7535744/Bat-Nha-Tam-Kinh-Trn-inh-Hoanh-Vit-ng>.

tiềm ẩn, tĩnh lặng, thường hằng, tuyệt đối.¹¹ Nhưng tướng và tánh, như sóng và nước, không thể rời nhau. Tướng là một mặt hiện của tánh, tánh là cội rễ của tướng.

Ta nhìn vũ trụ qua bề ngoài, qua tướng, cho nên ta thường “chấp tướng”, tức là vướng mắc vào cái nhìn bên ngoài để mà sống. Nhưng nếu ta bỏ hẳn tướng đi, tức là “chấp phi tướng”¹² thì cũng không được, vì ta sẽ vướng mắc vào thái độ hoàn toàn thiếu thực tế là xem như chẳng có cuộc đời trước mắt.

Bất nhã là thấy cả Sắc lẫn Không, thấy cả tướng lẫn tánh, thấy tướng và tánh gắn bó làm một, nhưng vẫn phân biệt được đâu là tướng và đâu là tánh, và không chấp vào tướng nào.¹³

Vì vậy Kinh Kim Cang (1) chỉ ra cho chúng ta thấy tướng của mọi pháp để ta thấy tướng và sống với tướng, vì đời sống là sống với tướng (2) nhưng không chấp vào tướng, vì tướng chỉ là phù du, không thường hằng. Nghĩa là ta vẫn sống với cuộc đời này giữa muôn hình tướng của nó, ta không chối bỏ cuộc đời; nhưng ta không cố chấp vào điều gì cả, vì cố chấp vào phù du thì đúng là rất si mê.

Đây là một cái nhìn “hai vế” rất tích cực, quân bình và thực tế về đời sống và Phật pháp. Nếu không nắm vững hai vế này thì ta rất dễ rơi vào các cực đoan chấp có hoặc chấp không, chấp tướng hoặc chấp phi tướng, và ta sẽ không thể hiểu được Kim Cang Bất-nhã.

Kinh Kim Cang có tất cả 32 đoạn. Trừ đoạn đầu có tính cách giới thiệu, các đoạn sau là một chuỗi hành trình từng bước một, mỗi bước là một công việc song hành--vừa **xác nhận** một giáo pháp để thực hành, vừa **đoạn trừ chấp trước** vào giáo pháp đó. Những giáo pháp Kinh Kim Cang nói đến là các pháp Bồ tát đạo, tức là các pháp của con đường Bồ tát.¹⁴ Con đường này bắt đầu khi người thiện nam thiện nữ phát tâm bồ đề,¹⁵ nguyện tự độ mình giải thoát để độ tất cả chúng sinh cùng giải thoát.¹⁶ Tâm bồ đề này cũng là tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.¹⁷

Trên đường hành đạo, Bồ tát thực hành lục độ ba-la-mật, tức là sáu pháp tu—bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.¹⁸ Bố thí, độ trì, chúng sinh được độ trì, công đức Bồ tát, hạnh nguyện Bồ tát, trang nghiêm cõi Phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, v.v... đều được nhắc đến trong Kinh Kim Cang, vừa để xác nhận giáo pháp vừa để đoạn trừ chấp trước.

¹¹ Thị chư pháp không tướng, bất sinh bất diệt bất cấu bất tịnh bất tăng bất giảm (Mọi sự đều là không, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm). Cái “chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tăng chẳng giảm” đó chính là tuyệt đối, là bản thể, mà ta gọi là “Không.” Xem *Tiểu Luận về Bát Nhã Tâm Kinh*, chú thích 10.

¹² Đôi khi người ta dùng chữ “chấp không” để chỉ “chấp phi tướng.” Chữ “không” trong “chấp không” có nghĩa là “không có,” khác với “Không” là bản thể của sự vật. Ở đây ta viết hoa chữ “Không” để hàm ý “bản thể.”

¹³ Ta không nói “chấp tánh” vì nếu có “chấp tánh” thì cái mà ta gọi là tánh-để-mà-chấp đó thực ra là tướng, vì nếu đã ý niệm được tánh để mà chấp, thì tánh mà ta ý niệm đó đã thành tướng mất rồi. Bất cứ ý niệm nào ta có trong tâm cũng đều là tướng, vì tướng chính là tướng (samjna), là ý niệm. Tánh, là tuyệt đối, thì không thể ý niệm được. Cho nên, không thể có “chấp tánh.” Chỉ có “chấp tướng” mà thôi. (Trong Đoạn 3 của Kinh Kim Cang ta sẽ giải thích tướng chính là ý niệm).

¹⁴ The Bodhisattva's path.

¹⁵ Tâm bồ đề là Bodhicitta.

¹⁶ Tự độ và độ tha, to liberate oneself and liberate others.

¹⁷ Anuttara Samyak Sambodhi (S.), A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, highest most-fulfilled awakened mind.

¹⁸ Six virtues of perfection: giving, discipline, patience, devotion, meditation, wisdom.

Trong phần khảo sát sau đây, chúng ta sẽ dùng bản kinh Hán Việt và lời dịch tiếng Việt của hòa thượng Thích Thanh Từ.¹⁹ Chúng ta sẽ đi qua từng đoạn kinh, và trong phần giảng giải, chúng ta sẽ chú tâm đến sợi chỉ xuyên suốt toàn kinh, tức là xác nhận giáo pháp và đoạn trừ chấp trước.

Đoạn 1: PHÁP HỘI NHÂN DO

Như thị ngã văn:

Nhất thời Phật tại Xá-vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên dũ đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhân câu. Nhĩ thời Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bản xứ. Phạn thực ngật, thu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

Dịch: NGUYÊN DO CỦA PHÁP HỘI

Tôi nghe như vậy:

Một hôm đức Phật ở nước Xá-vệ (Srāvastī) tại rừng Kỳ-đà (Jeta) trong vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy gần đến giờ thọ trai, đức Thế Tôn đắp y mang bát vào đại thành Xá-vệ khát thực. Trong thành ấy, Ngài theo thứ lớp khát thực xong, trở về nơi chúng ở. Thọ trai rồi, Ngài dẹp y bát, rửa chân, trải tòa ngồi.

Giải thích: Đoạn này giới thiệu lúc Phật giảng Kinh Kim Cang. Đây là một ngày như mọi ngày, không có gì đặc biệt. Có nghĩa là trí tuệ Kim Cang Bát nhã là để dùng trong đời sống thường nhật, trong các công việc lật vật hằng ngày. Trí tuệ Bát nhã không phải là chỉ để dành cho các dịp lễ lạy đặc biệt.

Đoạn 2: THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH

Thời trưởng lão Tu-bồ-đề tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính nhi bạch Phật ngôn:

- Hi hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát. Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?

Phật ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Tu-bồ-đề, như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ-tát, thiện phó chúc chư Bồ-tát, nhữ kim đế thỉnh, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm.

¹⁹ Xin xem http://www.thuong-chieu.org/uni/KinhSachThiKe/Kinh/KinhKimCang/TRANG_CHINH.htm.

- Duy nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn.

Dịch: THIÊN HIỆN THỪA HỎI

Khi ấy trưởng lão Tu-bồ-đề (Subhuti) ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên mặt, gối mặt quì xuống đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát. Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?

Đức Phật bảo:

Lành thay, lành thay! Nay Tu-bồ-đề, như lời ông nói, Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ-tát, khéo phó chúc các vị Bồ-tát, nay ông hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Người thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên như thế mà trụ, như thế mà hàng phục tâm kia.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn! Con nguyện thích được nghe.

Giải thích: Trưởng lão Tu-bồ-đề, viết là Subhuti trong tiếng Sanskrit, còn có tên là Thiên Hiện, là đệ tử của Đức Phật Thích Ca. Cả Tu-bồ-đề lẫn Đức Phật đều xác nhận là Phật đặc biệt đến các Bồ tát: Phật nhớ đến và bảo hộ (hộ niệm) các Bồ tát, và phó thác công việc (phó chúc) cho các Bồ tát. Vì Bồ tát là những người đã phát nguyện tự độ mình để độ tất cả chúng sinh, cho nên Phật đặc biệt quan tâm đến Bồ tát.

Trong đoạn này Tu-bồ-đề nêu đề tài cho Kinh Kim Cang: Khi một người phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thì người ấy phải làm thế nào để trụ tâm mình? Làm thế nào để hàng phục tâm mình?

Đây là một câu hỏi rất hợp luận lý: Theo người hỏi, mục đích tối hậu của tu học là trụ tâm, tức là đặt tâm đứng vững. Cho nên khi hỏi là hỏi ngay vào mục tiêu cuối cùng: “Làm thế nào để trụ tâm?” Tuy nhiên, Tu-bồ-đề biết là tâm luôn vọng động, cho nên trước khi trụ tâm thì phải hàng phục tâm. Khi tâm đã được hàng phục, đã vâng lời ta, thì lúc đó ta mới cho tâm trụ được. Vì vậy, Tu-bồ-đề hỏi tiếp ngay: “Làm thế nào để hàng phục tâm?”

Đoạn 3: ĐẠI THỪA CHÁNH TÔNG

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Chư Bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị hàng phục kỳ tâm. Sở hữu nhất thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng, nhược phi hữu tướng phi vô tướng, ngã giai linh nhập Vô dư Niết-bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh, thực vô chúng sanh đắc diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức phi Bồ-tát.

Dịch: CHÁNH TÔNG CỦA ĐẠI THỪA

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Các vị Bồ-tát lớn nên như thế mà hàng phục tâm kia. Có tất cả các loài chúng sanh hoặc loài sanh bằng trứng, hoặc loài sanh bằng thai, hoặc sanh chỗ ẩm ướt, hoặc hóa sanh, hoặc có hình sắc, hoặc không hình sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc chẳng có tướng chẳng không tướng, ta đều khiến vào Vô dư Niết-bàn mà được diệt độ đó. Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ. Vì có sao?

Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức chẳng phải là Bồ-tát.

Giải thích: Vì tâm phải được hàng phục trước khi tâm có thể trụ, cho nên ở đây Đức Phật trả lời về hàng phục tâm trước.

Chín loài chúng sinh kể ra trên đây là để chỉ tất cả các chúng sinh (bắt đầu từ loài sinh bằng trứng, đến cuối cùng là loài chẳng có ý tướng mà cũng chẳng phải là không có ý tướng).

Vô dư Niết bàn là Niết bàn trọn vẹn, thường được hiểu là Niết bàn sau khi chết. Hữu dư Niết bàn thường được hiểu là Niết bàn người giác ngộ đạt được trong khi còn sống.

Phật diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh vào vô dư Niết bàn. Điểm nên để ý ở đây là tất cả chúng sinh, tất cả các loài sinh vật, đều có thể được diệt độ vào Niết bàn. Nghĩa là, không phải chỉ có con người, mà mọi loài sinh vật, đều có thể đắc đạo. Trong tiếng Sanskrit, Bồ tát là Bodhisattva. Bodhi là tỉnh thức, giác ngộ. Sattva là chúng sinh hữu tình, tức là sinh vật có cảm giác. Như vậy, không phải chỉ có con người mà bất cứ sinh vật nào cũng có thể tỉnh thức thành Bồ tát. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Tòng Địa Dững Xuất, khi Đức Phật đang giảng kinh, có vô số Bồ tát từ dưới lòng đất nhảy lên để nghe kinh. Hoặc phẩm Đề-bà-đạt-đa, có Long Nữ (Gái Rồng) mới 8 tuổi đã thành Bồ tát, cùng vô số Bồ tát từ biển lên. Đó cũng là ý tất cả mọi sinh vật, kể cả các sinh vật thấp bé dưới lòng đất, hoặc sinh vật dưới biển, cũng đều có thể giác ngộ thành Bồ tát. Đây là khái niệm bình đẳng rốt ráo của Phật pháp, đưa đến thái độ bình đẳng và tôn trọng đối với loài vật.

Bồ tát diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh mà thật không có chúng sinh nào được diệt độ, vậy nghĩa là sao? Ở đây, Phật **xác nhận** có pháp diệt độ chúng sinh và Bồ tát thực hành pháp này để diệt độ chúng sinh, nhưng đồng thời lại **đoạn trừ mọi chấp trước** về diệt độ.

Khi ta làm công việc diệt độ, ta có thể có ít nhất là 3 chấp: (1) Ta là người diệt độ, (2) chúng sinh là kẻ được ta độ, và (3) ta đang làm công việc diệt độ. Tuy nhiên, pháp có thể hành, nhưng không thể chấp. Nếu ta chỉ làm mà không chấp, thì ta sẽ không phân biệt ta và chúng sinh -- ta là chúng sinh, chúng sinh là ta. Và không chấp vào diệt độ, tức là ta chỉ xem đó như việc làm tự nhiên cho chính mình mỗi ngày, như rửa mặt đánh răng. Vì vậy, khi ta diệt độ cho chúng sinh, ta xem như ta chỉ làm điều gì đó rất bình thường cho chính mình. Như vậy nghĩa là diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh nhưng thật không chúng sinh nào được diệt độ.

Nhưng làm sao Bồ tát có được tâm vô chấp, bình đẳng không phân biệt như thế?

Bồ tát bắt đầu bằng cách xả bỏ chấp trước vào 4 tướng: tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Chữ “tướng” dịch từ chữ samjna trong tiếng Sanskrit. Samjna là một khái niệm, một ý tưởng; trong tiếng Anh, samjna là perception, idea, notion. Cho nên ta phải dịch samjna là “tướng” mới đúng -- tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Tuy nhiên, vì chữ “tướng” của Hán Việt đã được dùng lâu năm, ta sẽ vẫn dùng “tướng.”²⁰ Như vậy, tướng hay tướng là bất kỳ một tư tưởng, một ý niệm nào đó mà ta có trong tâm.

Xả bỏ tướng ngã: Tướng ngã, hay tướng ngã, là atman samjna trong tiếng Sanskrit, idea of self trong tiếng Anh. Atman là tôi, cái tôi, hiện hữu của tôi. “Tướng ngã” là ý niệm về một “cái tôi” bất biến, vĩnh cửu.

Thật ra “cái tôi” của mỗi người chúng ta chỉ là duyên sinh,²¹ là kết hợp tạm thời của tứ đại²² ngũ uẩn.²³ Khi nhân duyên chín mùi cho “cái tôi” xuất hiện thì tôi sinh ra, khi nhân duyên chín mùi cho “cái tôi” biến đi thì tôi tan rã. Trước khi tôi sinh ra, không có tôi; sau khi tôi sinh ra, cũng lại không có tôi, và ngay khi còn sống trên đời này thì “cái tôi” cũng thay đổi sinh diệt trong từng giây đồng hồ. Vì vậy, “cái tôi” chỉ là một kết hợp tạm thời, phù du, của các thành tố tâm-sinh-vật lý làm ra tôi.

Hay nói theo Bát Nhã Tâm Kinh, “cái tôi” mà ta thấy là Sắc, là tướng, là biểu hiện phù du của tánh Không. Khi ta chấp ngã (hay chấp tướng ngã), tức vào chấp vào ý niệm của một cái tôi bất biến vĩnh cửu, thì ta bị chính ý niệm này làm ta tham sân si²⁴ và mọi cái nhìn của ta về cuộc đời bị chi phối bởi cái tôi, quyền lợi của tôi, kiến thức của tôi, lý tưởng của tôi, con đường của tôi.²⁵ Tất cả những chấp trước về “tôi”, “của tôi” và “thuộc về tôi” đương nhiên là mâu thuẫn với những chấp trước về tôi, của tôi, và thuộc về tôi của những người khác. Và vì thế, sinh ra đau khổ.²⁶

Không chấp ngã, tức là vô ngã, là không chấp vào “tôi”, “của tôi” và “thuộc về tôi.” Thê là tâm được tự do, giải thoát khỏi gốc nguồn đau khổ. Vì vậy, khi Bồ tát Quán-tự-tại thấy được rằng cái tôi là Không, ngài liền vượt qua mọi khổ ách.²⁷

Xả bỏ tướng nhân: Tướng nhân, hay tướng nhân, là tướng người, pudgala samjna trong tiếng Sanskrit, và idea of human being trong tiếng Anh.

Nếu ta chấp cái ngã của ta thì đương nhiên là ta cũng chấp cái ngã của mọi người. Tướng nhân chỉ là tướng ngã áp dụng rộng ra cho cả loài người. Khi ta chấp tướng ngã, ta đương nhiên chấp tướng nhân, và khi đó ta và những người khác chỉ là những cái ngã biệt lập với những ham muốn và hành động biệt lập, đôi khi đôi nghịch nhau.

²⁰ Tướng ngã, atman samjna, idea of self; tướng nhân, pudgala samjna, idea of human being; tướng chúng sinh, sattva samjna, idea of sentient being; tướng thọ giả, jiva samjna; idea of a life span.

²¹ Duyên sinh là do nhân duyên mà sinh ra. Nhân là cause, duyên là condition.

²² Tứ đại: đất nước gió lửa (four tanmatras: earth, water, wind, fire).

²³ Ngũ uẩn: sắc thọ tưởng hành thức (five skandas: form, feeling, perception, formation, consciousness).

²⁴ Ba độc: Tham lam, sân hận, si mê (three poisons: greed, anger, ignorance).

²⁵ Theo Tương Ưng Bộ Kinh, phẩm Tầm Cầu, có 4 loại chấp thủ: dục chấp thủ (grasping onto sensual pleasure), kiến chấp thủ (grasping onto views), giới cấm chấp thủ (grasping onto rules and precepts), ngã luận chấp thủ (grasping onto a doctrine about the self).

²⁶ Khổ là dukkha (Pali), dukkha (S.), suffering.

²⁷ Đây là câu đầu tiên của Bát Nhã Tâm Kinh: Quán-tự-tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Nếu ta không chấp tướng ngã, nếu ta thấy ngã là Không, thì đương nhiên ta thấy mọi người cũng đều là Không như ta. Như vậy là ta không chấp tướng nhân. Tức là giữa ta và mọi người đều như nhau, đều vô ngã, đều Không. Tâm ta không phân biệt ta và người.

Xả bỏ tướng chúng sinh: Chúng sinh là tất cả các sinh vật hữu tình, các sinh vật có cảm giác. Tướng chúng sinh là sattva samjna trong tiếng Sanskrit, idea of sentient being trong tiếng Anh.

Nếu ta chưa đạt được Niết bàn, chưa thoát được vòng sinh diệt, thì ta vẫn mãi loanh quanh trong sáu nẻo luân hồi—trời, người, A-tu-la, súc sinh, địa ngục, ngạ quỷ. Tất cả chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi cũng chỉ là chúng sinh như con người trong những kiếp sống luân hồi. Vì vậy, nếu ta chấp cái ngã của ta, thì ta cũng chấp cái ngã của mọi chúng sinh, và như vậy là sinh ra khác biệt và mâu thuẫn giữa ta và chúng sinh. Tướng chúng sinh chỉ là tướng ngã áp dụng rộng ra cho toàn chúng sinh.

Nếu ta không chấp tướng ngã, thì cả ta sẽ thấy cái ngã của ta và cái ngã của chúng sinh đều là Không, đều như nhau, ta và chúng sinh không khác biệt, mâu thuẫn. Như vậy cũng có nghĩa là ta không còn chấp tướng chúng sinh nữa.

Xả bỏ tướng thọ giả: Tướng thọ giả là ý tưởng rằng mọi vật có một cuộc đời thật sự, một tuổi thọ thật sự, có khởi đầu (sinh) và chấm dứt (diệt). Tướng thọ giả là jiva samjna trong tiếng Sanskrit, idea of a life span trong tiếng Anh.

Tướng thọ giả chống lại ý niệm vô thường vô ngã. Vô thường vô ngã nghĩa là mọi vật thay đổi không ngừng tùy theo nhân duyên, không có khởi đầu, không có kết thúc, không có một cái ngã thường trực. Tướng thọ giả cũng chỉ là một hình thức khác của tướng ngã. Tướng thọ giả là tướng ngã được áp dụng xa hơn là con người (tướng nhân) và chúng sinh hữu tình (tướng chúng sinh), đến cả các vật vô tình, tất cả các pháp trong vũ trụ—không một người nào, một sinh vật nào, một vật nào, một pháp nào, có một tuổi thọ, có một ngã. Tất cả các pháp đều vô thường vô ngã.

Không chấp tướng thọ giả là không thấy khác biệt giữa ta và điều gì, vật gì, pháp gì. Tất cả đều là vô thường vô ngã, đều là Không.

Khi bỏ tất không còn chấp tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, Bỏ tất có thể diệt độ cho vô lượng vô số vô biên chúng sinh với tâm không phân biệt, không thấy mình diệt độ chúng sinh nào, không thấy ai được diệt độ, không thấy mình đang độ. Đó mới là Bỏ tất diệt độ.

Nhưng không “chấp” không có nghĩa là không “làm.” Nếu nói rằng ta là không, cho nên không cần diệt độ, thì đó chính là chấp vô ngã. Nếu nói rằng chúng sinh là không, cho nên không cần diệt độ chúng sinh, đó chính là chấp vô chúng sinh. Nếu nói rằng pháp diệt độ là không, cho nên không diệt độ, đó chính là chấp phi pháp.

Bỏ tất không chấp “có” nhưng cũng không chấp “không.” Bỏ tất không chấp ngã nhưng cũng không chấp vô ngã, không chấp nhân nhưng cũng không chấp phi nhân, không chấp pháp nhưng cũng không chấp phi pháp. Vì vậy, Bỏ tất vẫn thực hành lục độ ba-la-mật, vẫn diệt độ chúng sinh. Hành thì vẫn hành, nhưng chấp thì không chấp. Vậy nghĩa là, pháp có thể hành nhưng không thể chấp.

Đoạn kinh này xác nhận có pháp diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sinh, và Bồ tát hành pháp diệt độ, nhưng khi hành pháp, Bồ tát không chấp vào bất cứ điều gì—trước hết là các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, sau đó là tất cả mọi tướng khác. Bồ tát hoàn toàn vô chấp khi hành đạo.

Ghi chú về tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả: Cách giản dị nhất để hiểu và nhớ “tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả” là: Tướng ngã là tướng của “tôi”. Dem tướng ngã ra bỏ vào mọi người, thì đó là tướng nhân. Dem tướng nhân ra bỏ vào mọi chúng sinh, thì đó là tướng chúng sinh. Dem tướng chúng sinh ra bỏ vào tất cả các pháp (mọi sự, mọi vật), thì đó là tướng thọ giả.

Xả bỏ tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả là ý niệm rất nòng cốt của Kinh Kim Cang, và được lập đi lập lại rất nhiều lần trong kinh.²⁸ Việc lập đi lập lại này hẳn nhiên là để giúp ta tập trung năng lực khi tu tập.

Đoạn 4: DIỆU HẠNH VÔ TRỤ

Phục thứ Tu-bồ-đề, Bồ-tát ư pháp ưng vô sở trụ hành ư bố thí, sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh hương vị xúc pháp bố thí. Tu-bồ-đề, Bồ-tát ưng như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố? Nhược Bồ-tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?

- Phát dã Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ hư không, khả tư lương phủ?

- Phát dã Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề, Bồ-tát vô trụ tướng bố thí, phước đức diệc phục như thị bất khả tư lương. Tu-bồ-đề, Bồ-tát đản ưng như sở giáo trụ.

Dịch: DIỆU HẠNH KHÔNG CHỖ TRỤ

Lại nữa Tu-bồ-đề, Bồ-tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Nay Tu-bồ-đề, Bồ-tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì có sao? Nếu Bồ-tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường.

Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Hư không ở phương Đông có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy.

- Nay Tu-bồ-đề, hư không phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phía trên dưới có thể nghĩ lường được chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy.

²⁸ Kinh KimCang chỉ có 32 đoạn, nhưng cụm từ “tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả” (và các cụm tương đương) được lập đi lập lại 20 lần.

- *Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng mà bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ lường. Này Tu-bồ-đề, Bồ-tát chỉ nên như lời dạy mà trụ.*

Giải thích: Đoạn trước nói về hàng phục tâm, đoạn này nói về trụ tâm.

Bố thí là độ đầu tiên trong lục độ ba-la-mật. Phật nói “nên không có chỗ trụ” mà bố thí. Mệnh đề “nên không có chỗ trụ” được dịch từ Hán Việt “ưng vô sở trụ”, bốn chữ tinh yếu nhất trong Kinh Kim Cang. Nói đến Kinh Kim Cang là nói đến **“ưng vô sở trụ.”** Truyền rằng, trước khi xuất gia, lục tổ Huệ Năng²⁹ nghe có người đọc Kinh Kim Cang, nghe đến câu “ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” (“nên không có chỗ trụ mà sanh tâm như thế”), ngài liền đại ngộ.

“Ứng vô sở trụ” (nên không có chỗ trụ) tức là “không trụ vào đâu cả.” Trụ có nghĩa là đứng cố định, đứng chắc chắn, như vậy cũng có nghĩa là dính cứng, tức là chấp.³⁰ “Ứng vô sở trụ” là không chấp vào đâu cả, vô chấp hoàn toàn. “Nên không có chỗ trụ” mà bố thí, tức là bố thí mà không trụ vào đâu, không chấp vào đâu cả.

Sắc thanh hương vị xúc pháp là lục trần,³¹ là toàn thể những gì tạo ra vũ trụ. Không trụ vào lục trần mà bố thí, tức là không trụ vào, không chấp vào, bất kỳ điều gì trong vũ trụ.

Bồ tát không trụ tướng mà bố thí, tức là không chấp vào bất kỳ một vật gì, một mục đích gì, một điều gì, một ý niệm gì, khi bố thí. Tất cả những gì ta có thể thấy và biết được qua lục căn—mắt tai mũi, lưỡi, thân, ý—đều là tướng.³² Và Bồ tát không trụ tướng, không chấp tướng, khi bố thí. Nếu bồ tát không trụ tướng mà bố thí thì phước đức vô lượng không thể nghĩ bàn.³³

Ở cuối đoạn, Phật nói “*Bồ tát chỉ nên như lời dạy mà trụ*”, nghĩa là thế nào? Đây cũng là câu trả lời cho câu hỏi đầu tiên của Tu-bồ-đề: Làm sao để trụ tâm? Bây giờ Phật trả lời: “*Như lời dạy mà trụ.*” Và lời dạy là “ưng vô sở trụ” (nên không có chỗ trụ). Vậy có nghĩa là, trụ tâm bằng cách không trụ vào đâu cả, không chấp vào đâu cả. Tức là, nếu không trụ (chấp) tâm vào đâu cả thì tâm sẽ được trụ (bình yên).³⁴

Như vậy ta đã có câu trả lời của Phật về hai câu hỏi của Tu-bồ-đề trong Đoạn 2: Làm sao để trụ tâm? Làm sao để hàng phục tâm? Trong Đoạn 3 Phật trả lời: Hàng phục tâm bằng cách không chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Trong Đoạn này Phật trả lời: Trụ tâm bằng “ưng vô sở trụ.” Như vậy, hàng phục tâm và trụ tâm thực ra chỉ là một việc—vô chấp, ưng vô sở trụ.

²⁹ Vị tổ sư thứ sáu của Thiền tông Trung quốc.

³⁰ “Trụ” trong “ưng vô sở trụ” có hai nghĩa. Một là động từ “đứng cố định” hay “đứng chắc chắn.” Hai là tính từ “an trụ”, tức là được bình yên, vững chãi. Tại điểm này, trụ đang có nghĩa là động từ, vì câu hỏi (và câu trả lời) nhắm vào hành động: “Tôi phải trụ tâm tôi cách nào?”

³¹ Six dusts: color, sound, fragrance, taste, object of touch, dharma.

³² Vì bất kỳ “thấy biết” nào cũng là một ý niệm trong tâm, mà tướng (hay tưởng, samjna) là ý niệm.

³³ Nhưng dĩ nhiên là Bồ tát cũng không thể trụ vào phước đức mà bố thí. Phước đức cũng chỉ là tướng. Nếu Bồ tát chấp vào phước đức, thì bố thí không còn phước đức. Vì Bồ tát không trụ vào phước đức để bố thí, cho nên mới được vô lượng phước đức. Xin xem Đoạn 8, nói về phước đức.

³⁴ Xin xem 2 nghĩa của chữ “trụ” trong chú thích 30.

Hai tư tưởng nòng cốt: Trong Kinh Kim Cang, có 2 cụm từ được lặp đi lặp lại rất nhiều lần. Đó là 2 tư tưởng nòng cốt của kinh.

1. **Ứng vô sở trụ:** Nên không có chỗ trụ, nên không trụ vào đâu cả, nên không chấp vào đâu cả. “Ứng vô sở trụ” có thể nói là nguyên lý tổng quát của Kinh Kim Cang; ta có thể tạm gọi đó là lý thuyết tổng quát.
2. **Xả bỏ tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả:** Đây là thực hành. Khi thực hành, dĩ nhiên là ta không chấp vào bất kỳ nơi nào (ứng vô sở trụ), nhưng như vậy thì có thể quá mơ hồ và bao la đối với một số người. Nếu tư tưởng ta tập trung vào một chỗ, thì việc tu tập sẽ dễ dàng hơn. Điều quan trọng nhất phải tập trung tư tưởng để tu tập là không chấp vào các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Hay rút gọn hơn, là không chấp vào tướng ngã, vì ba tướng kia cũng từ tướng ngã mà ra.

Nếu ta cứ tập trung tư tưởng vào việc không chấp ngã, thì ta tự nhiên sẽ không còn chấp vào bất kỳ tướng nào, tức là đạt được ứng vô sở trụ.

Đoạn 5: NHƯ LÝ THẬT KIẾN

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?

- **Phất dã Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng.**

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- **Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.**

Dịch: THẤY LẼ THẬT ĐÚNG LÝ

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai chăng?

- *Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Không thể do thân tướng thấy được Như Lai. Vì có sao? Như Lai đã nói thân tướng tức không phải thân tướng.*

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- **Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.**

Giải thích: Đoạn 3 đã nói đến xả bỏ các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức là xả bỏ tất cả mọi tướng, không chấp vào tướng nào. Đoạn 4 lập lại ý đó với “ứng vô sở trụ” (nên không có chỗ trụ). Đoạn này cần thận hơn, bảo chúng ta không được chấp cả thân tướng của Phật. Có nghĩa là phải xả bỏ tướng rất rốt ráo, không có ngoại lệ, kể cả thân tướng Phật.

Từ bây giờ ta nên để ý đến từ “Như Lai” được dùng rất thường xuyên trong Kinh Kim Cang. Như Lai là Đức Phật, là Đức Thế Tôn. Như Lai, Tathagata trong tiếng Sanskrit, có nghĩa là

“như thế”,³⁵ tức là tánh của các pháp. Tướng thì thiên hình vạn trạng, nhưng tánh thì cứ “như thế” thôi. Vì vậy, khi trong kinh này dùng từ Như Lai, như là “Như Lai nói” hay “Như Lai nghĩ”, tức là hàm hai ý: Một là Đức Phật nói hay nghĩ; hai là “theo tánh mà nói”, “theo tánh mà giải bày.”³⁶

Tại sao ta phải xả bỏ tất cả các tướng, không được chấp vào bất kỳ tướng nào? Đó là vì bất kỳ điều gì ta thấy được, nghĩ được, thì đều là tướng, đều là ý niệm giả (hư vọng). Ngay cả tướng thân của Phật mà ta có thể thấy bằng mắt và nghĩ đến bằng ý cũng là ý niệm giả, cho nên không thể dùng tướng thân của Phật, tức là ba mươi hai tướng đẹp của Phật,³⁷ để mà thấy Phật.

Phải đến khi thấy “thân tướng tức không phải thân tướng”, tức là khi thấy “thân tướng là Không” thì lúc đó mới thấy Như Lai. Vì sao?

*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.*³⁸ Chỉ khi nào ta thấy được tất cả mọi tướng đều không phải tướng, tức là khi ta thấy được mọi tướng đều là Không, tức là nhìn tướng mà thấy tánh, nhìn tướng hư vọng mà thấy được bản tánh chân thật thường hằng của nó là Không, thì lúc đó ta thấy được Như Lai, vì Như Lai (hay Phật, hay Không) chính là bản tánh chân thật của tất cả.

Đoạn 6: CHÁNH TÍN HI HỮU

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết, chương cú, sanh thật tín phủ?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bách tuế, hữu trì giới tu phước giả, ư thủ chương cú năng sanh tín tâm, dĩ thủ vi thật, đương tri thị nhân bất ư nhất Phật, nhị Phật, tam tứ ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn. Văn thị chương cú, nãi chí nhất niệm sanh tịnh tín giả, Tu-bồ-đề, Như Lai tất tri, tất kiến thị chư chúng sanh đắc như thị vô lượng phước đức.

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng diệc vô phi pháp tướng.

Hà dĩ cố? Thị chư chúng sanh, nhược tâm thủ tướng tắc vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhược thủ pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thị cố bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp.

Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỳ-kheo tri ngã thuyết pháp như phiệt dụ giả, pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp.

³⁵ Như Lai là tathagata. Tatha là “như thế,” suchness trong tiếng Anh. Gata có thể hiểu là “đến” hoặc “đi”.

Cho nên Tathagata phải là “Như Lai Như Khứ” (Đến Như Thế, Đi Như Thế) thì mới đúng và đầy đủ. Tại đây ta chỉ cần nói đến “như thế” là đủ rồi.

³⁶ Phật (Như Lai) là tánh của các pháp.

³⁷ Có sự trùng hợp, hoặc vô tình hoặc cố ý ở đây. Ba mươi hai tướng đẹp của Phật. Kinh Kim Cang có ba mươi hai đoạn.

³⁸ “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai”. Đây là câu tóm tắt giáo pháp của Kinh Kim Cang mà tất cả các thiên sư đều thuộc nằm lòng.

Dịch: CHÁNH TÍN ÍT CÓ
(Người tin đúng rất ít có.)

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh được nghe những lời nói và chương cú như thế, sanh lòng tin chân thật chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Chớ nói như thế. Sau khi Như Lai diệt độ, sau khoảng năm trăm năm, có người giữ giới, tu phước, đối với những chương cú này hay sanh lòng tin cho đây là thật, nên biết người ấy không phải ở nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật gieo trồng căn lành mà đã ở chỗ vô lượng ngàn muôn đức Phật gieo trồng căn lành. Người nghe chương cú này cho đến một niệm sanh lòng tin thanh tịnh, này Tu-bồ-đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế.

Vì có sao? Vì các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không tướng phi pháp.

Vì có sao? Vì nếu các chúng sanh ấy, tâm còn chấp tướng là còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì có sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp.

Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ-kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.

Giải thích: Đoạn này giải thích duyên lành nào giúp ta có cơ hội biết và tin vào Kinh Kim Cang, cũng như phải tin như thế nào.

Bồ tát đạo thường chia ra thành hai lối tu: Tu phước và tu huệ. Tu huệ là tu trí tuệ Bát nhã, tu phước là giữ giới và làm các việc không cần nhiều trí tuệ, như bố thí, lau dọn chùa chiền. Tùy theo căn cơ mỗi người có thể chọn một cách tu cho mình.³⁹

Năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, nếu có người trì giới tu phước (tức là người căn cơ không cao về trí tuệ) mà có lòng tin thật với các câu trong Kinh Kim Cang, thì đó không phải là tự nhiên mà có. Đó chính là vì người này đã trong vô lượng kiếp tu học và trồng vô lượng căn lành cùng chư Phật. Nhờ vô lượng căn lành đó sinh ra vô lượng phước đức mà ngày nay mới có cơ hội để gặp và sanh lòng tin thật nơi Kinh Kim Cang.

Và sanh lòng tin thật nơi kinh này tức là không chấp các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, pháp, và phi pháp.

Trong đoạn này ta gặp thêm hai chữ mới: “tướng pháp” và “tướng phi pháp.” Pháp là dharma trong tiếng Sanskrit, và có hai nghĩa chính. Trước hết, pháp có nghĩa là sự vật. Bất kỳ một cái gì trong vũ trụ hoặc trong tâm ta cũng đều là một pháp—cái bàn, con bò, một

³⁹ Nếu tu cả phước lẫn huệ, thì đó là phước huệ song tu.

người, một cảm giác, một tư tưởng, một ấn tượng. Thứ hai, pháp còn có nghĩa là Phật pháp. Sở dĩ như vậy là vì Phật pháp chính là môn học về mọi sự, mọi vật.

“Tướng pháp” tức là ý niệm rằng cái gì đó là có thực, có một cái ngã. Tướng pháp cũng là tướng ngã đem áp dụng vào tất cả mọi sự vật, tức cũng là tướng thọ giả đã giải thích trong Đoạn 3.

“Tướng phi pháp” là ngược lại của tướng pháp, tức là ý niệm rằng “cái đó không có” hay “không phải cái đó.” Nếu pháp là “cái bàn,” thì phi pháp là “không bàn” hay “không có bàn.” “Cái bàn” là một ý niệm trong tâm ta, và “không bàn” cũng là một ý niệm trong tâm ta. Mà như đã giải thích trước đây, ý niệm là samjna, là tưởng, là tướng.⁴⁰

Như vậy là pháp là một tướng, và phi pháp cũng là một tướng. Không trụ vào tướng, tức là không trụ vào tướng pháp, cũng không trụ vào tướng phi pháp.

Nếu nói về Phật pháp, thì pháp có thể hành nhưng không thể chấp. Ta học Phật pháp và ta thực hành Phật pháp, nhưng ta không chấp vào Phật pháp. Tức là hành mà “ưng vô sở trụ”. Nhưng ta cũng không chấp vào phi Phật pháp, tức là không sống như là không có Phật pháp. Phật pháp là chiếc bè, một lúc nào đó qua sông rồi, bè còn phải bỏ (tức là, không chấp pháp), huống chi không phải là bè (tức là, không chấp phi pháp).

Trong đoạn này chúng ta thấy cụm từ “tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả” được lặp đi lặp lại bốn lần. Đó cũng là cách nhắc nhở ta tập trung tu tập. (1) Sanh lòng tin thanh tịnh là không còn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. (2) Còn chấp tướng là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. (3) Còn chấp tướng pháp là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. (4) Còn chấp tướng phi pháp là còn chấp ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Như vậy xả bỏ tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, chính là cốt yếu của Kinh Kim Cang. Xả bỏ tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, cũng đồng nghĩa với xả bỏ tất cả mọi tướng, tất cả tướng pháp cũng như phi pháp.

Mà bốn tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, thật ra cũng chỉ là tướng ngã. Như vậy, xả bỏ tướng ngã chính là cốt yếu của Kinh Kim Cang. Xả bỏ tướng ngã tức là xả bỏ tất cả mọi tướng.

Đoạn 7: VÔ ĐẮC VÔ THUYẾT

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề da? Như Lai hữu sở thuyết pháp da?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, vô hữu định pháp, danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, diệt vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

⁴⁰ Về samjna, tưởng và tướng, xin xem phần giải thích của Đoạn 3: Chánh Tông Của Đại Thừa.

Dịch: KHÔNG ĐƯỢC, KHÔNG NÓI

*Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?
Như Lai có nói pháp chăng?*

Tu-bồ-đề thưa:

- Như con hiểu qua nghĩa Phật nói, không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp nhất định Như Lai có thể nói. Vì có sao? Vì pháp Như Lai nói đều không thể chấp, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Vì có sao? Vì tất cả bậc Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai biệt.

Giải thích: Đoạn này đoạn trừ chấp rốt ráo thêm nữa, xả bỏ cả chấp vào Phật pháp.

Khi nói đến Phật pháp thì ta nói đến ngôn ngữ, vì thông thường là Phật pháp, cũng như đa số mọi môn học, được giảng dạy qua ngôn ngữ. Đoạn này nói đến **ngôn ngữ** và không chấp vào ngôn ngữ.

Ta dùng ngôn ngữ để đặt tên cho mọi sự mọi vật, kể cả tên của các giáo pháp. “Tên” hay “gọi tên” là **“danh”** trong Hán Việt.

Ta cũng dùng ngôn ngữ để giảng dạy Phật pháp; đó là “thuyết pháp” hay “nói pháp.”

Nhưng ngôn ngữ thì rất giới hạn, ngôn ngữ không bao giờ đủ sức diễn đạt rốt ráo điều gì cả. Ví dụ, nếu ta định nghĩa cái bàn là một mặt phẳng ở trên và bốn chân ở dưới, thì cái giường có phải cái bàn không? Nếu ta lại thêm là “dùng để làm việc hay ngồi ăn” thì sập gụ của các cụ đồ già ngồi dạy học và ăn uống có phải là cái bàn không? Cứ như thế ta sẽ thấy bất kỳ định nghĩa nào của cái bàn ta nói ra, thì định nghĩa đó cũng đúng với một vài cái không phải là cái bàn. Sở dĩ thế là vì ngôn ngữ có khả năng rất giới hạn và thiếu chính xác.⁴¹

Nói đến vấn đề ngôn ngữ thì Phật học có hai khái niệm rất gần gũi nhau: Thứ nhất là **“tướng”**, là tất cả những gì ta có thể nhận biết được qua sáu căn—mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Thứ hai là **“danh”**, là tên ta đặt cho các tướng, hay là ngôn ngữ ta dùng để diễn tả các tướng. Ta đã thấy, tướng thì phù du, thay đổi liên tục, khó nắm bắt, khó biết được thật sự. Mà tên của tướng hay ngôn ngữ diễn tả tướng thì lại càng thiếu chính xác hơn. Nhưng ta lại phải dùng ngôn ngữ để truyền đạt tư tưởng, thế nên tất cả những gì ta truyền cho nhau qua ngôn ngữ, kể cả các giáo pháp, thì rất là thiếu chính xác, thiếu đầy đủ. Vì vậy tướng đã không nên chấp, thì danh lại càng không nên chấp. Nhưng ta lại phải dùng **danh tướng** để truyền đạt tư tưởng cho nhau hằng ngày, vậy thì, dùng thì cứ dùng, nhưng không thể chấp.

Vì vậy Phật nói: *“Không có pháp nhất định Như Lai có thể nói.”* Thật ra thì Phật nói rất nhiều pháp, nhưng pháp đã nói ra là có hai vấn đề. Thứ nhất, pháp là tướng, mà tướng là hư vọng. Thứ hai, nói pháp là dùng danh để nói về tướng, tức là thêm một tầng hư vọng của danh lên trên tầng hư vọng của tướng. Cho nên khi nói pháp, pháp ra khỏi miệng người nói đến tai người nghe, thì không còn là pháp đó nữa.

⁴¹ Hai câu đầu tiên trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử viết: “Đạo khả đạo phi thường đạo; danh khả danh phi thường danh.” Đạo mà có thể gọi là đạo thì không phải là đạo vĩnh cửu. Tên mà có thể gọi là tên thì không phải là tên vĩnh cửu.

Và tương tự như vậy, “*Không có pháp nhất định tên là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.*”

Vì vậy, mọi pháp mà Như Lai giảng đều không thể chấp, không thể nói. Pháp được giảng ra thì không còn là pháp, vì ngôn ngữ là méo mó, thiếu chính xác.⁴²

Nhưng dù là thiếu chính xác thì cũng không phải là phi pháp, tức là không phải là không có pháp. Cho nên dù là pháp đó không nên chấp, nhưng vẫn nên hành.

Vì vậy, ta cứ thực hành theo pháp được giảng, mà không chấp pháp, cũng không chấp phi pháp. Không chấp vào bất kỳ tướng nào, đó là vô vi pháp. Các bậc hiền thánh, nhờ thực hành vô vi pháp, tức là thực hành vô chấp vô trụ, mà thăng tiến trên đường tu học.

Đoạn 8: Y PHÁP XUẤT SANH

- **Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân sở đắc phước đức, ninh vi đa phủ?**

Tu-bồ-đề ngôn:

- **Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa.**

- **Nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thắng bi. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề, nhất thiết chư Phật cập chư Phật A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề pháp, giai tùng thử kinh xuất. Tu-bồ-đề, sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.**

Dịch: Y NƠI CHÁNH PHÁP MÀ SANH RA TẤT CẢ QUẢ VỊ

- **Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, người ấy được phước đức thật nhiều chăng?**

Tu-bồ-đề thưa:

- **Bạch Thế Tôn rất nhiều! Vì có sao? Vì phước đức ấy tức chẳng phải là tánh phước đức, thế nên Như Lai nói phước đức nhiều.**

- **Nếu lại có người ở trong kinh này, thọ trì cho đến bốn câu kệ v.v... vì người khác giảng nói thì phước đức này còn hơn phước đức của người kia. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, tất cả chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật đều từ nơi kinh này ra. Này Tu-bồ-đề, nói là Phật pháp đó tức chẳng phải Phật pháp.**

Giải thích: Trong các đoạn trước ta nói về những gì liên hệ đến việc bắt đầu tu học: phát tâm bồ đề, ngã, nhân, chúng sinh, các pháp, Phật pháp, pháp Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác. Tất cả những điều này tạm gọi là nhân tu học.

⁴² Vì vậy Tổ Bồ-đề-đạt-ma nói về Thiền: “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.” (Không lập văn tự, truyền ngoài giáo lý, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật).

Từ đoạn này, chúng ta nói về quả tu học, tức là những kết quả đến từ việc tu học—phước đức, các quả vị thành đạt, trang nghiêm cõi Phật, v.v... Đoạn này bắt đầu về đoạn trừ kiến chấp vào phước đức

Một nghìn thái dương hệ là một tiểu thiên thế giới. Một nghìn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một nghìn trung thiên thế giới là một tam thiên đại thiên thế giới, tức là 1 tỉ thái dương hệ. Nếu mang bảy loại châu báu đầy một tỉ thái dương hệ đi bố thí, thì hẳn nhiên là phước đức vô lượng vô biên.

Trong các đoạn trước (như là các Đoạn 4 và 6), Phật chỉ nhắc đến phước đức một cách gián dị. Nhưng từ đoạn này, Phật chỉ rõ rằng ngay cả phước đức cũng là tướng, là hư vọng. Tánh (bản thể chân thật) của phước đức là Không. Vì vậy, khi Như Lai nói phước đức nhiều tức là dựa vào tướng và ngôn ngữ để nói tạm mà thôi.

Vô lượng phước đức như vậy nhưng cũng không nhiều phước đức bằng người thọ trì, đọc tụng và giảng dạy chỉ bốn câu kinh, vì chư Phật và pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng từ kinh này mà ra.

Tại sao? Vì kinh này chuyên dạy xả bỏ tất cả chấp trước, mà xả hết là Phật. Chỉ hiểu và giảng được bốn câu kinh cũng đủ xả bỏ mọi chấp trước và giúp người xả bỏ mọi chấp trước, thấy được tánh thật của các Pháp, thấy được Như Lai.⁴³

Tuy nhiên, vẫn phải lưu ý rằng giáo pháp nào ta đọc được trong kinh thì cũng đều là “danh” và “tướng” cho nên cũng không thể nói đó là Phật pháp nhất định. Vì vậy, ta chỉ nên hành pháp đó mà không nên chấp.

Đoạn 9: NHẤT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

Tu-bồ-đề, u ý vân hà? Tu-đà-hoàn năng tác thị niệm ngã đắc Tu-đà-hoàn quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hoàn danh vi Nhập lưu nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, u ý vân hà? Tu-đà-hàm năng tác thị niệm ngã đắc Tu-đà-hàm quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu-đà-hàm danh Nhất vãng lai nhi thật vô vãng lai, thị danh Tu-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, u ý vân hà? A-na-hàm năng tác thị niệm ngã đắc A-na-hàm quả phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? A-na-hàm danh vi Bất lai, nhi thật vô bất lai, thị cố danh A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, u ý vân hà? A-la-hán năng tác thị niệm ngã đắc A-la-hán đạo phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

⁴³ Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tác kiến Như Lai (Đoạn 5).

- Phát dĩ Thế Tôn! Hà dĩ cố? Thật vô hữu pháp danh A-la-hán. Thế Tôn! Nhược A-la-hán tác thị niệm: ngã đắc A-la-hán đạo, tức vi trước ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô tránh tam-muội, nhân trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm ngã thị ly dục A-la-hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: ngã đắc A-la-hán đạo, Thế Tôn tác bất thuyết Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh giả. Dĩ Tu-bồ-đề thật vô sở hành, nhi danh Tu-bồ-đề thị nhạo A-lan-na hạnh.

Dịch: MỘT TƯỚNG KHÔNG TƯỚNG

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tu-đà-hoàn hay khởi nghĩ thế này: “ta được quả Tu-đà-hoàn” chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Tu-đà-hoàn gọi là Nhập lưu mà không có chỗ nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ấy gọi là Tu-đà-hoàn.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tư-đà-hàm hay khởi nghĩ thế này: “ta được quả Tư-đà-hàm” chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Vì Tư-đà-hàm tên là Nhất vãng lai mà thật không có vãng lai, ấy gọi là Tư-đà-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-na-hàm hay khởi nghĩ thế này: “ta được quả A-na-hàm” chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? A-na-hàm tên là Bất lai mà thật không có bất lai, thế nên tên A-na-hàm.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? A-la-hán hay khởi nghĩ thế này: “ta được đạo A-la-hán” chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Thật không có pháp tên là A-la-hán. Bạch Thế Tôn nếu A-la-hán khởi nghĩ thế này: ta được đạo A-la-hán, tức là còn chấp ngã nhân chúng sanh thọ giả. Bạch Thế Tôn! Phật nói con được Vô tránh tam-muội là bậc đệ nhất trong số người đó, là A-la-hán ly dục đệ nhất. Bạch Thế Tôn! Con không khởi nghĩ con là ly dục A-la-hán. Bạch Thế Tôn! Nếu con khởi nghĩ: con được đạo A-la-hán, Thế Tôn ắt chẳng nói Tu-bồ-đề là người ưa hạnh A-lan-na. Do Tu-bồ-đề thật không có sở hành nên gọi là Tu-bồ-đề ưa hạnh A-lan-na.

Giải thích: Đoạn kinh này nhằm đoạn trừ kiến chấp về các quả vị trong pháp tu của Thanh Văn.⁴⁴ Đây là bốn cấp thành đạt trong Phật Giáo Nguyên Thủy.⁴⁵ Tu-đà-hoàn⁴⁶ là quả vị thấp nhất, gọi là vào dòng (chảy đến Niết bàn). Tu-đà-hàm⁴⁷ là quả vị kế tiếp, gọi là nhất lai, tức là còn trở lại một lần. A-na-hàm⁴⁸ là bất lai, là không bao giờ phải trở lại cõi này nữa. A-la-hán⁴⁹ là đã đạt Niết bàn.

Tất cả những quả vị này, cũng như tất cả mọi Phật pháp, đều chỉ là tạm bợ, giúp chúng sinh tu tập. Các pháp này cũng chỉ là tướng, chỉ là hư vọng; bản tánh thực của tất cả các pháp là Không. Cho nên, nếu nhìn bản tánh chân thật mà nói, thì không có dòng để vào, không có nơi để trở lại, không có nơi để không trở lại, không có Niết bàn để đạt.

Vì vậy A-la-hán không chấp tướng, không nghĩ ta đã đạt đạo A-la-hán, vì còn nghĩ đến đạt đạo tức là còn chấp vào đạt và chấp vào đạo, mà còn chấp thì không thể đạt A-la-hán. Hơn nữa, nếu còn nghĩ là “ta” được đạo A-la-hán, tức là còn chấp “cái ta”, chấp ngã. Nếu còn chấp ngã thì còn chấp nhân, chấp chúng sinh và chấp thọ giả. Và nếu còn chấp các tướng này là chưa thấy được Không, chưa đạt đạo.

Phật nói Tu-bồ-đề là người bậc nhất đạt được định tâm bình an không tranh cãi (vô tranh tam muội), và là người bậc nhất lìa bỏ các ham muốn, nhưng chính Tu-bồ-đề lại không nghĩ là mình đạt đạo A-la-hán. Đây là điểm phân biệt tế nhị: Ta không thể nghĩ là mình đạt đạo, bởi vì như thế là còn chấp ngã và chấp pháp (đạt đạo), và các chấp này ô nhiễm tâm ta. Nhưng người khác, nhất là Thầy của ta, thì có thể nói là ta đạt đạo, vì ý tưởng của người khác không ô nhiễm tâm ta.

Vì Tu-bồ-đề hành đạo nhưng “không có nơi để hành” (không có sở hành), tức là hành đạo mà không trụ vào đâu cả, hành đạo mà không thấy là mình hành đạo, cho nên Phật mới nói Tu-bồ-đề ưa hành đạo A-la-hán. Đạo có thể hành, nhưng không thể chấp.

Đoạn 10: TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Ư ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở ư pháp hữu sở đắc phủ?
- Phát dã Thế Tôn! Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thật vô sở đắc.
- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Bồ-tát trang nghiêm Phật độ phủ?
- Phát dã Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.
- Thị cố Tu-bồ-đề, chư Bồ-tát ma-ha-tát ưng như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Tu-bồ-đề, thí như hữu nhân, thân như Tu-di sơn vương, ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?

⁴⁴ Thanh Văn (Sravaka, S.) là người nghe lời nói của Phật, thanh là âm thanh, văn là nghe; sound hearer.

⁴⁵ Theravada Buddhism.

⁴⁶ Srotapanna (S.), stream-winner.

⁴⁷ Sakridagamin (S.), once-returner.

⁴⁸ Angamin (S.), never-returner.

⁴⁹ Arhat (S. and English)

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đại, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân.

Dịch: TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

- Ý ông nghĩ sao? Như Lai thuở xưa ở chỗ đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, có sở đắc chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai ở nơi đức Phật Nhiên Đăng, đối với pháp, thật không có sở đắc.

- Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Vì có sao? Trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

- Thế nên Tu-bồ-đề, các Bồ-tát lớn nên như thế mà sanh tâm thanh tịnh, không nên trụ nơi sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm kia. Tu-bồ-đề, ví như có người thân to như núi chúa Tu-di (Sumeru), ý ông nghĩ sao? Thân ấy là lớn chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Phật nói chẳng phải thân, ấy gọi là thân lớn.

Giải thích: Đoạn này tiếp tục đoạn trừ kiến chấp vào quả của việc tu học, đồng thời lại rất ráo hơn--đi ngược về nhân để đoạn trừ chấp quả.

Đạt thành pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là quả cao nhất của tu học. Vào tiền kiếp, Phật Thích Ca được Phật Nhiên Đăng thọ ký sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni, nhưng nay lại nói là khi ở nơi Phật Nhiên Đăng, không có pháp để đắc, tức là không có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để đắc. Vì sao? Vì, nếu theo tướng mà nói, thì có pháp để đắc, nhưng nói theo tánh thì tất cả là Không, không có pháp để đắc. Hơn nữa, nếu còn thấy pháp, còn muốn đắc pháp, là còn tham ái, còn tướng ngã, thì không thể thành Phật được.

Tượng tự như vậy, trang nghiêm cõi Phật cũng là quả tu học. Bồ tát trang nghiêm cõi Phật bằng công đức mình đạt được trong khi tu học, nhưng đó chỉ là theo tướng mà nói. Nói theo tánh thì công đức là Không và trang nghiêm cõi Phật cũng là Không. Hơn nữa, chỉ khi Bồ tát không chấp vào trang nghiêm, không nghĩ là mình đang trang nghiêm, thì cõi Phật mới được trang nghiêm. Nếu Bồ tát cứ nhắm vào trang nghiêm, tức là còn chấp vào trang nghiêm, thì không có công đức để trang nghiêm. Vì vậy, trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm cõi Phật, nên mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Để đoạn trừ chấp quả một cách rất ráo, thì không những là không chấp quả khi đang hành pháp, mà là không chấp **quả** ngay từ đầu, ngay lúc mới gieo **nhân**. Ngay từ đầu, khi Bồ tát phát tâm thanh tịnh, tức là phát tâm bồ đề, thì “nên không có chỗ trụ” mà phát tâm, nhất là

không nên trụ vào quả tu học, như là đắc đạo hay trang nghiêm cõi Phật. Phát tâm thanh tịnh là điểm khởi đầu của tu học, đó là lúc phát bồ đề tâm, đó là **nhân**. Đắc đạo và trang nghiêm cõi Phật là điểm cuối cùng của tu học, đó là **quả**. Thông thường người ta gieo nhân là mong gặt quả. Nhưng ở đây, nếu còn mong cầu quả thì không thể phát nhân được. Tâm bồ đề không thể phát được nếu ta còn chấp vào quả lợi sau này. Không chấp vào quả lợi mà phát tâm. “Ứng vô sở trụ” mà phát tâm bồ đề. Bồ tát không mong quả, không chấp vào quả, nên mới có quả.

Không những các ý niệm trừu tượng, như đắc đạo hay trang nghiêm cõi Phật, là tướng không nên chấp, mà những gì rất cụ thể như thân người to bằng núi tu di cũng là tướng chẳng thật. Thân người to như thế nhưng thật ra cũng chỉ là kết hợp tạm thời của các điện tử và nguyên tử li ti. Tướng đã không thật, thì danh (tên) gọi là “thân lớn” lại càng không thật. Nhưng vì ta sống trong thế giới tướng, nên cứ phải tạm nói là “thân lớn.”

Thế có nghĩa là, vì sống trong thế giới tướng nên ta cứ phải tạm dùng các tên của tướng để mà nói, như là đắc đạo, trang nghiêm cõi Phật, thân lớn. Nhưng tướng không phải là thật tánh. Vì vậy, cứ sống với tướng, nhưng không chấp tướng, và luôn luôn thấy được thật tánh trong mỗi tướng. Nhìn tướng thấy tánh.

Đoạn 11: VÔ VI PHƯỚC THẮNG

- Tu-bồ-đề, như Hằng hà trung sở hữu sa số, như thị sa đẳng Hằng hà. Ư ý vân hà? Thị chư Hằng hà sa, ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thập đa, Thế Tôn! Đản chư Hằng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa.

- Tu-bồ-đề, ngã kim thật ngôn cáo nhữ, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở Hằng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới, dĩ dụng bồ thí, đắc phước đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thập đa, Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân ư thử kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, nhi thử phước đức thắng tiền phước đức.

Dịch: PHƯỚC VÔ VI LÀ HƠN HẾT

- Này Tu-bồ-đề, như trong sông Hằng có bao nhiêu số cát, số sông Hằng bằng số cát như thế, ý ông nghĩ sao? Số cát của các sông Hằng ấy thật là nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Chỉ các sông Hằng còn nhiều vô số, huống là số cát kia.

- *Này Tu-bồ-đề, nay ta bảo thật với ông, nếu có người thiện nam, thiện nữ đem bảy báu đầy đầy tam thiên đại thiên thế giới bằng số cát những sông Hằng kia ra bố thí thì được phước nhiều chăng?*

Tu-bồ-đề thưa:

- *Bạch Thế Tôn, rất nhiều!*

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- *Nếu người thiện nam thiện nữ, đối trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác giảng nói, phước đức này nhiều hơn phước đức trước.*

Giải thích: Đoạn này và hai đoạn sau đó (12 và 13) nói đến uy lực của Kinh Kim Cang.

Nếu dùng vô lượng vô biên vô số châu báu để bố thí thì đương nhiên là vô lượng phước đức. Nhưng nếu người nào chỉ thọ trì bốn câu kinh và giảng dạy lại cho người khác, thì phước đức lại càng nhiều hơn.

Tại sao? Vì các Phật đều từ kinh này mà ra. Chỉ cần bốn chữ “ưng vô sở trụ”; nếu ta suy tưởng, hiểu rõ, và thực hành bốn chữ này, thì ta sẽ hoàn toàn xả bỏ mọi chấp trước, đạt đạo thành Phật, không phước đức nào có thể sánh bằng, huống chi là bốn câu kinh.

Đoạn 12: TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO

Phục thứ Tu-bồ-đề! Tùy thuyết thị kinh nãi chí tứ cú kệ đẳng, đương tri thử xứ, nhất thiết thế gian thiên nhân a-tu-la giai ưng cúng dường như Phật tháp miếu, hà hướng hữu nhân tận năng thọ trì, độc tụng. Tu-bồ-đề! Đương tri thị nhân thành tựu tối thượng đệ nhất hi hữu chi pháp. Nhược thị kinh diễn sở tại chi xứ tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử.

Dịch: TÔN TRỌNG KINH ĐIỂN CHÂN CHÁNH

Lại nữa này Tu-bồ-đề, tùy nơi nói kinh này cho đến bốn câu kệ v.v... nên biết chỗ này, tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như tháp miếu của Phật, hướng nữa có người trọn hay thọ trì độc tụng. Này Tu-bồ-đề, nên biết người ấy thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hi hữu. Nếu kinh này ở chỗ nào ắt là có Phật hoặc là những đệ tử lớn của Phật.

Giải thích: Đoạn này nói nơi có người thọ trì độc tụng giảng giải kinh này, nơi đó tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường như tháp miếu Phật, tức là như có Phật hay xá lợi của Phật hiện diện. Vì sao? Vì người đó thành tựu pháp tối thượng đệ nhất hi hữu, tức là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; người đó là Phật hay là đệ tử lớn của Phật.

Đoạn 13: NHƯ PHÁP THỌ TRÌ

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Thị kinh danh vi Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, dĩ thị danh tự như đương phụng trì. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Phật thuyết Bát-nhã ba-la-mật tức phi Bát-nhã ba-la-mật, thị danh Bát-nhã ba-la-mật. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ?

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu vi trần, thị vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thập đa, Thế Tôn!

- Tu-bồ-đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần thị danh vi trần. Như Lai thuyết thế giới phi thế giới thị danh thế giới. Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng.

- Tu-bồ-đề, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ Hằng hà sa đẳng thân mạng bố thí, nhược phục hữu nhân ư thử kinh trung nãi chí thọ trì tứ cú kệ đẳng, vị tha nhân thuyết, kỳ phước thậm đa.

Dịch: ĐÚNG PHÁP THỌ TRÌ

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, thế nào là tên của kinh này, chúng con làm sao phụng trì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Kinh này tên là Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, do danh tự ấy ông nên phụng trì. Vì có sao? Nay Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nói pháp chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Như Lai không có nói pháp.

- Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu vi trần, ấy là nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều!

- Nay Tu-bồ-đề, các vị trần Như Lai nói không phải vì trần, ấy gọi là vì trần. Như Lai nói thế giới không phải thế giới ấy gọi là thế giới. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà thấy Như Lai chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Không thể do ba mươi hai tướng được thấy Như Lai. Vì có sao? Như Lai nói ba mươi hai tướng tức không phải ba mươi hai tướng ấy gọi là ba mươi hai tướng.

- Nay Tu-bồ-đề nếu có người thiện nam, người thiện nữ đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng để bố thí, hoặc lại có người ở trong kinh này cho đến thọ trì bốn câu kệ v.v... vì người khác nói thì phước này rất là nhiều.

Giải thích: Tên kinh này là Kim Cang Bát Nhã Ba-la-mật-đa. Bát nhã ba-la-mật-đa là trí tuệ giải thoát, nhưng nếu nói là Bát nhã ba-la-mật-đa thì đó cũng chỉ là danh và tướng, không phải là tánh, mà danh tướng là hư vọng, không chính xác chân thật, cho nên đó không thật là Bát nhã ba-la-mật-đa, vì vậy chỉ tạm “gọi nó là” Bát nhã Ba-la-mật-đa.

Tương tự như vậy, tất cả những pháp gì Như Lai nói ra đều không thật là pháp vì đó vẫn chỉ là danh và tướng. Vì vậy, Như Lai thật ra không nói pháp nào.

Tam thiên đại thiên thế giới là một thế giới rất lớn (đến 1 tỉ thái dương hệ). Nhưng thế giới này cũng chỉ là tướng, không thật, vì thế giới này cũng chỉ là kết hợp tạm thời của vô lượng vô số hạt bụi (vì trần). Và những hạt bụi này lại cũng là tướng, không thật, vì chúng cũng chỉ là kết hợp tạm thời của những nguyên tử, điện tử, v.v...

Ngay đến cả ba mươi hai tướng tốt của Phật cũng chỉ là tướng, không thật, không thể nhờ đó mà thấy Như Lai.

Như vậy, từ những gì trừu tượng (như pháp Bát nhã ba-la-mật-đa) đến những gì cụ thể (như tam thiên đại thiên thế giới), từ những gì rất lớn (như tam thiên đại thiên thế giới) đến những gì rất nhỏ (như hạt bụi), từ những gì bình thường (như bụi bặm) đến những gì cao quý (như ba mươi hai tướng tốt của Phật), tất cả đều là tướng, không thật, không thể chấp.

Nếu có người dùng chính thân mạng mình bố thí trong vô lượng kiếp, nhiều như cát sông Hằng, thì phước đức đương nhiên là vô lượng vô biên. Nhưng phước đức người này vẫn không bằng phước đức của người thọ trì đọc tụng giảng giải chỉ bốn câu kinh này. Vì sao? Vì nếu thực sự thọ trì đọc tụng giảng giải chỉ bốn câu của kinh này thì ta có thể lìa tất cả mọi chấp, thành Phật, phước đức đương nhiên là nhiều hơn người bố thí mà chưa thành Phật.

Đoạn 14: LY TƯỚNG TỊCH DIỆT

Nhĩ thời Tu-bồ-đề văn thuyết thị kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn:

- Hi hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc tuệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh.

Thế Tôn! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tác sanh Thật tướng, đương tri thị nhân thành tựu đệ nhất hi hữu công đức. Thế Tôn! Thị thật tướng giả tức thị phi tướng, thị cố Như Lai thuyết danh thật tướng.

Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất tức vì nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ trì, thị nhân tác vi đệ nhất hi hữu. Hà dĩ cố? Thử nhân vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà? Ngã tướng tức thị phi tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhất thiết chư tướng tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Như thị, như thị! Nhược phục hữu nhân đắc văn thị kinh bất kinh, bất bố, bất úy, đương tri thị nhân, thậm vi hi hữu! Hà dĩ cố?

Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết đệ nhất ba-la-mật, tức phi đệ nhất ba-la-mật, thị danh đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai thuyết phi nhẫn nhục ba-la-mật thị danh nhẫn nhục ba-la-mật. Hà dĩ cố?

Tu-bồ-đề! Như ngã tích vi Ca-lợi vương cát tiệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích tiệt tiệt chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận.

Tu-bồ-đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bách thế tác nhẫn nhục tiên nhân, ư nhĩ sở thế vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

Thị cố, Tu-bồ-đề! Bồ-tát ưng ly nhất thiết tướng phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tắc vi phi trụ. Thị cố Phật thuyết Bồ-tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vị lợi ích nhất thiết chúng sanh, ưng như thị bố thí. Như Lai thuyết nhất thiết chư tướng tức thị phi tướng hựu thuyết nhất thiết chúng sanh tức phi chúng sanh.

Tu-bồ-đề! Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuồng ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thật vô hư.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tâm trụ ư pháp nhi hành bố thí như nhân nhập ám tắc vô sở kiến. Nhược Bồ-tát tâm bất trụ pháp nhi hành bố thí như nhân hữu mục, nhật quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc.

Tu-bồ-đề! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân năng ư thử kinh thọ trì độc tụng tức vi Như Lai dĩ Phật trí tuệ, tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân giai đắc thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Dịch: LÌA TƯỚNG TỊCH DIỆT

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề nghe Phật nói kinh này, hiểu sâu được nghĩa thú, rơi lệ đầm đề bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn! Rất ít có. Phật nói kinh điển sâu xa như thế, con từ trước đến giờ đã được tuệ nhãn mà chưa từng được nghe kinh như thế.

Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh ắt sanh Thật tướng, nên biết người ấy thành tựu được công đức ít có bậc nhất. Bạch Thế Tôn! Thật tướng ấy tức không phải tướng, thế nên Như Lai nói tên là thật tướng.

Bạch Thế Tôn! Nay con được nghe kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì không đủ làm khó. Nếu đời sau, khoảng năm trăm năm về sau, lúc đó có những chúng sanh được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy ắt là ít có bậc nhất. Vì có sao? Vì người này không tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Vì tướng ngã tức không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức không phải tướng. Vì sao? Vì lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật.”

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Đúng thế, đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này, không kinh, không hải, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có. Vì có sao?

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật. Tu-bồ-đề! Nhẫn nhục ba-la-mật, Như Lai nói không phải nhẫn nhục ba-la-mật ấy gọi là nhẫn nhục ba-la-mật. Vì có sao?

Này Tu-bồ-đề như thuở xưa ta bị vua Ca-lợi (Kali) cắt đứt thân thể, ta khi ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Vì có sao? Ta thuở xưa khi thân thể bị cắt ra từng phần nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, lẽ nên sanh sân hận.

Tu-bồ-đề! Lại nhớ thuở quá khứ năm trăm đời, ta làm tiên nhân nhẫn nhục, vào thuở ấy không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ. Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sanh nên như thế mà bố thí. Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sanh tức không phải chúng sanh.

Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu-bồ-đề! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Giải thích: Đoạn này đưa việc lìa tướng đến một mức xa hơn, rốt ráo hoàn toàn. Nhưng người đi bước đó là Tu-bồ-đề, chúng tỏ là Tu-bồ-đề đã hiểu rất sâu xa những lời Phật dạy.

Nhãn (con mắt) là chữ dùng để chỉ khả năng nhận biết. Có năm loại nhãn: Nhục nhãn (mắt thịt), thiên nhãn (mắt trời), tuệ nhãn (mắt trí huệ của các bậc A-la-hán), pháp nhãn (mắt trí huệ của các Bồ tát), Phật nhãn (mắt của Phật).⁵⁰

Tu-bồ-đề nói mình đã đạt tuệ nhãn của bậc A-la-hán nhưng vẫn chưa được biết đến kinh thâm sâu như Kinh Kim Cang. Đó là vì kinh này là kinh cho các hàng Bồ tát.

Tu-bồ-đề lại nói: “*Nếu lại có người được nghe kinh này, lòng tin thanh tịnh, ắt sanh thật tướng.*” Lòng tin thanh tịnh là lòng tin không có chấp. Kinh Kim Cang loại trừ chấp trước, cho nên nếu tin thật vào kinh, thì lòng không còn chấp trước, đó là lòng tin thanh tịnh. Mà người không còn chấp trước vào tướng nào cả thì thấy được “thật tướng” của mình và của tất cả mọi pháp— Không, Phật tánh, Như Lai. Như vậy là đã thành tựu công đức ít có bậc nhất.

Ở đây Tu-bồ-đề dùng từ rất chặt chẽ về lý luận. Chữ “thật tướng” đây là để chỉ “tánh.” Nếu không còn chấp vào tướng, thì thấy được tánh. Nhưng tánh là tuyệt đối, là Không, thì không thể nghĩ bàn. “Tánh” mà ta thấy được và nói được thì cũng chỉ là một loại “tướng” mà thôi; thôi thì đặt cho nó một cái tên để phân biệt với các tướng khác—“thật tướng”. Nhưng dĩ nhiên, vì sự thiếu chính xác của ngôn ngữ, “thật tướng” ấy không phải là “thật”, cho cứ tạm gọi đó là “thật tướng” mà thôi.

Tu-bồ-đề có thể hiểu được Kinh Kim Cang vì đã có tuệ nhãn và nghe Phật giảng trực tiếp. Nhưng năm trăm sau đó, nếu có người tin hiểu thọ trì kinh này, thì người đó quả là ít có bậc nhất. Vì sao? Vì người tin hiểu thọ trì Kinh Kim Cang thì không chấp tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Nhưng không chấp tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả thì sao? Câu trả lời lúc này rất là rõ ràng: ***Vì tướng ngã tức không phải tướng; tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả tức không phải tướng.*** Đây là bước lìa tướng rất rõ ràng.

Từ trước đến nay ta thấy có 2 loại nhận biết: Phàm phu thấy ngã và pháp là thật, cho nên cứ chấp vào ngã và pháp. Bậc có trí tuệ, thấy ngã và pháp chỉ là tướng hư vọng, cho nên không chấp vào tướng ngã, tướng pháp. Tuy nhiên, nay bậc có trí tuệ tối thượng thì lại thấy mọi tướng đều không phải là tướng—tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng pháp, đều không phải là tướng. Nghĩa là sao? Nghĩa là nhìn tướng thấy tánh. Nhìn sóng thấy nước. Thấy tướng biết là tướng, nhưng vẫn thấy được cả tánh (hay dùng ngôn ngữ của Tu-bồ-đề bên trên: Nhìn tướng thấy “thật tướng”).

Nếu nhìn tướng mà thấy tánh, thì đã đến nơi rồi, không còn phải làm gì nữa, không còn phải lo chấp hay không chấp, sống với tướng mà ung dung tự tại, không bị hư vọng của tướng làm mình lạc đường, vướng mắc. Đây là bậc trí tuệ tối cao, sống với tướng mà không lìa tánh, không tránh tướng mà vẫn không bị chấp vào tướng, không nghĩ đến “không chấp tướng” mà vẫn tự nhiên không chấp tướng, không lìa tướng mà vẫn lìa tướng hoàn toàn, lìa tướng tịch diệt.

Và “*lìa tất cả tướng gọi là chư Phật,*”⁵¹ như Tu-bồ-đề nói.

⁵⁰ Flesh eye, celestial eye, eye of wisdom, Dharma eye, Buddha eye.

⁵¹ Xin xem Đoạn 5: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai”.

Phật tiếp lời Tu-bồ-đề: “*Đúng thế, đúng thế! Nếu lại có người được nghe kinh này, không kinh, không hãi, không sợ, nên biết người ấy rất là ít có. Vì có sao? Đây Tu-bồ-đề! Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật.*”

Nghe Kinh Kim Cang mà không kinh hãi lo sợ là bậc thượng căn hiếm có, vì Kinh Kim Cang là đệ nhất ba-la-mật, pháp diệt độ cao nhất. Thông thường, người chưa đủ căn cơ chỉ vừa nghe nói “pháp đệ nhất” là đã sợ sệt, lo rằng mình không đủ căn cơ trí tuệ để tu học. Hơn nữa, pháp đệ nhất này nhằm lừa tướng hoàn toàn với một trí tuệ thông suốt đến mức nhìn một pháp liền thấy pháp là tướng, nhưng cũng thấy tướng là phi tướng; có nghĩa là nhìn một pháp liền thấy pháp vừa là tướng vừa là tánh, cho nên không lừa pháp đó nhưng cũng chẳng chấp vào pháp đó. Đó là Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc, Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Đó là Bát nhã ba-la-mật.⁵² Trong lục độ ba-la-mật,⁵³ Bát nhã ba-la-mật là mẹ của năm độ kia, cho nên cũng được xem là đệ nhất ba-la-mật. Và Bát nhã ba-la-mật, đệ nhất ba-la-mật, thì cũng khó lãnh hội đối với các bậc hạ căn, nên họ đem lòng kinh sợ.

Và dù là đệ nhất ba-la-mật thì, đệ nhất hay đệ nhị hay bất kỳ đẳng cấp nào, thì cũng là theo tướng mà nói, vì trong tánh thì không có đẳng cấp nào, cho nên mới nói “*đệ nhất ba-la-mật tức không phải đệ nhất ba-la-mật ấy gọi là đệ nhất ba-la-mật.*”

Phật sau đó lại nói đến nhãn nhục ba-la-mật, để chỉ sự liên hệ mật thiết giữa đệ nhất ba-la-mật và nhãn nhục ba-la-mật. Trong lục độ ba-la-mật, nhãn nhục là đức năng có thể mang tâm của Bồ tát thể hiện ra bên ngoài rõ ràng nhất, và cũng là thước đo rõ ràng nhất cho biết đức hạnh của Bồ tát đã đến đâu.

Sở dĩ Phật có được nhãn nhục những kiếp trước, khi bị vua Ca-lợi cắt đứt từng đoạn thân thể mà không sinh lòng sân hận, hay làm tiên nhãn nhục trong 500 đời, là vì lúc đó Phật không có tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, tức là nhờ vào pháp trí tuệ đệ nhất ba-la-mật trong Kinh Kim Cang.

“*Thế nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên lìa tất cả tướng mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng nên trụ sắc sanh tâm, chẳng nên trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, nên sanh tâm không chỗ trụ.*” Ở đây Phật lại nhắc nhở các Bồ tát rằng, ngay trong khi **phát tâm** Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (không phải đợi đến sau khi phát tâm), Bồ tát phải lìa tất cả các tướng mà phát tâm đó, tức là phát tâm mà “ưng vô sở trụ”, phát tâm mà không trụ vào đâu.

Hơn nữa, phát tâm mà không trụ vào đâu cũng chưa đủ, vì nếu khi phát tâm thì không trụ, nhưng sau khi phát tâm thì lại trụ, thì sao? Vì vậy, Phật lại nói nên “*sanh tâm không chỗ trụ.*” Tức là, sinh ra một tâm có đặc tính là “không chỗ trụ”-- tâm này không trụ nơi nào, dù là lúc mới sinh ra hay những lúc sau này.⁵⁴

⁵² Prajna paramita (S.), trí huệ ba-la-mật hay bát nhã ba-la-mật, wisdom paramita or prajna paramita (E.)

⁵³ Lục độ ba-la-mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ (Six virtues of perfection: giving, discipline, patience, devotion, concentration, wisdom).

⁵⁴ Đoạn này bao gồm một vài khái niệm luận lý truyền thống thường được dùng đến khi giải thích Kinh Kim Cang: Khi tôi chấp vào cái bàn (hay chấp vào tướng cái bàn), khả năng chấp trước của tâm tôi gọi là “năng chấp” và tướng cái bàn là “sở chấp” (“nơi chấp”). Tâm tôi phải lìa tướng cái bàn, đó là “lìa tướng” hay “ly tướng.” Nhưng nếu tâm tôi là “tâm không chấp” (hay “tâm không chỗ trụ”) thì tự nhiên là tâm không có ý niệm chấp trước gì cả, không phải cố gắng “vô chấp” mà vẫn vô chấp. Tâm này gọi là “tâm không có ý niệm chấp” hay tâm đã “ly niệm”. Phát “tâm không chỗ trụ” tức là ly niệm. Ly niệm thì sâu xa hơn ly tướng. Ly tướng tức là đoạn trừ sở chấp, ly niệm tức là đoạn trừ năng chấp.

“Nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ. Thế nên Phật nói tâm Bồ-tát không nên trụ sắc mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát vì lợi ích tất cả chúng sinh nên như thế mà bố thí.” Nếu tâm trụ vào bất kỳ đâu, bất cứ điều gì, thì cũng chỉ là trụ vào tướng.⁵⁵ Trụ ở đây có hai nghĩa khác nhau: trụ là chấp, và trụ là yên ổn. Nếu trụ (chấp) vào tướng thì không thể nào trụ (yên) được, vì tướng là hư vọng, phù du hư ảo. Nhưng nếu không trụ (chấp) vào đâu cả, thì tâm sẽ hoàn toàn thanh tịnh, không còn vọng động, cho nên tâm được trụ (yên). Vì vậy mà nói, nếu tâm có trụ ắt là không phải trụ.

“Bồ tát nên như thế mà bố thí” tức là Bồ tát bố thí mà “nên không có chỗ trụ,” không trụ vào sắc để bố thí, cũng như không trụ vào bất kỳ tướng nào để bố thí.

Nhưng Bồ tát bố thí là “vì lợi ích tất cả chúng sinh.” Đây là lẽ đương nhiên, vì Bồ tát đã phát nguyện tự độ và độ tha, cho nên bất kỳ điều gì Bồ tát làm cũng đều là “vì lợi ích tất cả chúng sinh.” Nhưng, như vậy có nghĩa là Bồ tát có thể vô tình mà trụ vào “lợi ích tất cả chúng sinh.”

Vì vậy, *“Như Lai nói tất cả các tướng tức là không phải tướng, lại nói tất cả chúng sinh tức không phải chúng sinh.”* Tướng tức là không phải tướng, vì tướng cũng là tánh, là một biểu hiện của tánh. Chúng sinh không phải chúng sinh mà chỉ là tướng chúng sinh, cho nên Bồ tát không thể chấp vào tướng chúng sinh mà bố thí. Nhưng tướng chúng sinh cũng không phải chỉ là tướng chúng sinh mà còn là một biểu hiện của tánh. Nên Bồ tát vẫn bố thí cho chúng sinh. Nói tóm lại, Bồ tát bố thí cho chúng sinh mà không chấp vào chúng sinh. Pháp có thể hành nhưng không thể chấp.

“Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói lời chân, lời thật, lời như, lời không dối, lời chẳng khác. Này Tu-bồ-đề! Như Lai được pháp, pháp này không thật, không hư.” Lời Như Lai nói dù là rất cao rộng, khi nghe như có, khi nghe như không, khi nghe như thật, khi nghe như ảo, cho nên để làm cho kẻ hạ căn sinh lòng kinh sợ nghi hoặc, nhưng đó toàn là lời chân thật.

Và pháp mà Như Lai được cũng như thế, pháp này là pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì pháp nói ra là tướng, nên pháp không thật; nhưng tướng cũng tức là không phải tướng, tức là pháp không hư. Hay nói cách khác, thật và hư đều là tướng, mà Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không còn tướng nào, là tánh, và trong tánh thì không có thật hư.

Vì pháp, không hư nên Bồ tát hành pháp; vì pháp không thật, nên Bồ tát không trụ (chấp) vào pháp.

“Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát tâm trụ nơi pháp mà làm việc bố thí thì như người vào trong tối ắt không thể thấy. Nếu Bồ-tát tâm không trụ pháp mà hành bố thí thì như người có mắt lại thêm ánh sáng mặt trời chiếu soi, thấy các thứ hình sắc.” Nếu trụ Phật pháp mà bố thí tức là không biết được rằng pháp cũng chỉ là tướng, là hư vọng. Như vậy thì không biết được đâu là tướng, đâu là tánh, tức là như người đi trong bóng đêm. Nếu bố thí mà không trụ vào đâu, tức là biết pháp là tướng và không trụ vào tướng, nhưng cũng biết tướng không phải là tướng, nên vẫn cứ bố thí. Người như vậy thì thấy tướng thấy tánh của mọi sự, như người có mắt đi trong ánh sáng.

⁵⁵ Tánh là tuyệt đối thì không thấy được, nắm được. Nếu có cái gì đó để mà chấp, thì cái đó là tướng. Cho nên chỉ có chấp tướng, chứ không có chấp tánh.

“Này Tu-bồ-đề! Ở đời sau nếu có người thiện nam, thiện nữ hay ở trong kinh này thọ trì đọc tụng ắt là Như Lai dùng trí tuệ Phật ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu vô lượng vô biên công đức.” Nếu có người trai lành gái lành thọ trì đọc tụng kinh này, thì người ấy không chỉ một mình, mà Như Lai biết người ấy và thấy người ấy, đó cũng có nghĩa Như Lai hộ niệm và phó chúc người ấy, như Như Lai hộ niệm và phó chúc các Bồ tát.⁵⁶ Người này thọ trì đọc tụng, mà không “vì người khác giảng nói” như trong Đoạn 8 và một vài nơi khác, ý rằng người này thọ trì đọc tụng nhưng chưa đủ trí tuệ để giảng kinh. Dù vậy, người này vẫn thành tựu vô lượng vô biên công đức.

Đoạn 15: TRÌ KINH CÔNG ĐỨC

Tu-bồ-đề! Nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân, sơ nhật phần, dĩ Hằng hà sa đẳng thân bồ thí, trung nhật phần phục dĩ Hằng hà sa đẳng thân bồ thí, hậu nhật phần diệc dĩ Hằng hà sa đẳng thân bồ thí. Như thị vô lượng bách thiên vạn ức kiếp dĩ thân bồ thí. Nhược phục hữu nhân văn thử kinh điển, tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ, hà huống thư tả, thọ trì đọc tụng vị nhân giải thuyết.

Tu-bồ-đề! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xúng lượng, vô biên công đức, Như Lai vị phát Đại thừa giả thuyết, vị phát Tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhân năng thọ trì đọc tụng, quảng vị nhân thuyết, Như Lai tất tri thị nhân, tất kiến thị nhân, giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xúng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị nhân đẳng tác vi hà đẳng Như Lai A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Hà dĩ cố?

Tu-bồ-đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính thọ đọc tụng, vị nhân giải thuyết.

Tu-bồ-đề! Tại tại xứ xứ, nhược hữu thử kinh, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la sở ưng cúng dường. Đương tri thử xứ tắc vi thị tháp, giai ưng cung kính tác lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương nhi tán kỳ xứ.

Dịch: CÔNG ĐỨC TRÌ KINH

Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi trưa lại đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, buổi chiều cũng đem thân mạng bằng số cát sông Hằng ra bố thí, như thế vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp đem thân mạng bố thí. Nếu lại có người nghe kinh điển này, lòng tin không nghịch, phước của người này hơn phước của người kia, huống là chép viết, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói.

Này Tu-bồ-đề! Tóm tắt mà nói, kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Như Lai vì những người phát tâm Đại thừa mà nói, vì những người phát tâm Tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người nói, Như Lai ắt biết người ấy, ắt thấy người ấy đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể tính, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế tức là gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề! Nếu người thích

⁵⁶ Xem Đoạn 2.

pháp nhỏ tức chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng sanh, chấp thọ giả tức là đối với kinh này không thể lắng nghe, thọ trì, đọc tụng vì người giải nói.

Này Tu-bồ-đề! Ở nơi nào nếu có kinh này thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng nơi ấy.

Giải thích: Nếu có người đem chính thân mạng của mình ra bố thí, nhiều lần bằng số cát sông Hằng nhân ba trong mỗi ngày, kéo dài đến vô lượng kiếp, thì công đức hẳn nhiên là vô lượng vô biên. Nhưng công đức đó vẫn không bằng công đức của người nghe kinh này mà sinh lòng tin thật, huống chi là chép viết, thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói. Lý do là nếu tin vào kinh này thì không còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, không còn chấp tướng, không còn vọng tưởng, thấy tánh, thành Phật.

Vì vậy, kinh này có công đức vô biên không thể nghĩ, không thể lường. Phật vì những người phát tâm Đại thừa (tức là tâm Bồ tát), tâm Tối thượng thừa (tức là tâm Phật), mà nói kinh này. Nếu có người thọ trì đọc tụng giảng giải kinh này, Phật đương nhiên là biết và thấy những người ấy thành tựu công đức vô lượng vô biên. Những người đó gánh vác pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật. Đây là lập lại ý Phật hộ niệm và phó chúc các Bồ tát đã nói ngay từ đầu kinh, trong Đoạn 2.

Người thích pháp nhỏ là người vẫn còn chấp “thấy” ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Pháp nhỏ là gì? Tức là pháp thấp hơn pháp Phật thừa, nhắm vào các mục đích thấp hơn là thành Phật, như là bố thí để được sinh vào cõi trời, niệm Phật để được vãng sinh vào Tây phương cực lạc, v.v... Các pháp này hẳn nhiên là còn chấp ngã, vì nhắm vào lợi lộc cho chính mình. Mà còn chấp ngã, là còn chấp nhân, chúng sanh, thọ giả. Và như thế thì không đủ căn cơ để tu học Kinh Kim Cang.

Ở đây có một chữ cần chú ý. Từ trước đến nay, kinh này hay nói đến chấp “tướng” ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Nhưng trong đoạn này, kinh lại nói chấp “thấy” ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Hán viết là “trước ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.” Kiến có nghĩa là thấy. Vậy thì “tướng” và “thấy” có khác nhau không? Nếu nói về hư vọng thì tướng và thấy giống nhau--tướng ngã là hư vọng và thấy ngã cũng là hư vọng. Nhưng nếu nói về hành động, thì ta phải “thấy” ngã thì mới có “tướng” ngã, nếu không thấy thì không có. Vì vậy, nói “thấy” ngã là nói đến căn nguyên của hư vọng ngay tự trong tâm ta, rốt ráo hơn là “tướng”. Không chấp “thấy” tức là không chấp ngay từ trước khi nhìn thấy tướng.

“Này Tu-bồ-đề! Ở nơi nào nếu có kinh này thì tất cả thế gian trời, người, a-tu-la đều nên cúng dường, nên biết chỗ này tức là tháp, đều nên cung kính làm lễ vây quanh, dùng các thứ hương hoa mà rải cúng nơi ấy.” Đó là ý nói trong kinh có Phật.

Đoạn 16: NĂNG TỊNH NGHIỆP CHƯỞNG

Phục thứ Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng thử kinh, nhược vi nhân khinh tiệt, thị nhân tiên thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế nhân khinh tiệt cố, tiên thế tội nghiệp tắc vi tiêu diệt, đương đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Tu-bồ-đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ư Nhiên Đăng Phật tiền đắc tri bát bách tứ thiên vạn ức na-do-tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự vô không quá giả. Nhược phục hữu nhân ư hậu mạng thể năng thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật công đức, bách phần bất cập nhất, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, ư hậu mạng thể, hữu thọ trì độc tụng thử kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhân văn tâm tắc cuồng loạn hồ nghi bất tín. **Tu-bồ-đề!** Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệt bất khả tư nghị.

Dịch: HAY LÀM SẠCH CÁC NGHIỆP CHUỖNG

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người thiện nam, thiện nữ thọ trì độc tụng kinh này, nếu bị người khinh chê, người này do tội nghiệp đời trước lẽ ra phải đọa trong đường ác, do đời này bị người khinh chê nên tội nghiệp đời trước ắt là tiêu diệt, sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề, ta nhớ thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, ở trước đức Phật Nhiên Đăng, ta được gặp tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha các đức Phật, ta đều cúng dường thờ phụng không sót một vị nào. Nếu lại có người ở đời mạt pháp sau này hay thọ trì độc tụng kinh này, được công đức, đối với công đức cúng dường chư Phật của ta, trăm phần chẳng bằng một, ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ đều không thể bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu người thiện nam thiện nữ ở đời mạt pháp sau này, có người thọ trì độc tụng kinh này, được công đức, nếu ta nói cho đủ hoặc có người nghe tâm tất cuồng loạn, hồ nghi, không tin. Này Tu-bồ-đề, nên biết kinh nghĩa này không thể nghĩ bàn nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Giải thích: Đoạn này có thể xem là đoạn kết của nửa đầu (16 chương đầu) của Kinh Kim Cang. Đoạn này tóm tắt những đoạn trước về công đức của Kinh Kim Cang. Công đức này có thể dứt đi mọi nghiệp tội—nghiệp tội thời trước nặng đến nỗi đáng lý ra là nay phải đọa đường ác đạo, nhưng nhờ thọ trì độc tụng kinh này mà nghiệp tội được giảm nhẹ đến mức chỉ bị người khinh rẻ, và vẫn có thể đạt thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. “Thời trước” và “thời nay” có thể hiểu là những kiếp trước và kiếp này, hay chỉ là quá khứ, hiện tại và tương lai trong kiếp này.

Ngay cả công đức của Phật Thích Ca do cúng dường thờ phụng vô lượng vô số Phật trong vô lượng vô số kiếp thì cũng không bằng một phần li ti công đức của người thọ trì độc tụng kinh này. Tại sao? Vì chỉ cần tin thật vào kinh này là ta có thể xả bỏ mọi hư vọng--thấy tướng là tướng, và thấy tướng cũng không phải là tướng, và vì vậy mà thấy Như Lai, tức là thành Như Lai.⁵⁷

Vì năng lực của Kinh Kim Cang mạnh đến như thế, người thọ trì độc tụng kinh này thời mạt pháp, tức là thời đại của chúng ta đây, được công đức lớn vô lượng vô biên, đến nỗi nói ra thì người nghe sẽ điên đầu, hồ nghi, không tin. Và đây là chỉ nói đến thọ trì độc tụng, giảng giải

⁵⁷ Xem đoạn 5: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.”

kinh thì công đức còn cao gấp nhiều lần, ví dụ như trong Đoạn 12, chỗ nào có giảng Kinh Kim Cang tất cả thế gian trời người A-tu-la đều cúng dường như tháp miếu Phật.

Vì Kinh Kim Cang ý nghĩa thâm sâu không thể nghĩ bàn, cho nên quả báo công đức của kinh cũng vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Một điều ta nên lưu ý là từ Đoạn 11 đến đây, hầu như Đoạn nào cũng nói về công đức vô lượng vô biên do thọ trì đọc tụng giảng giải Kinh Kim Cang. Nhưng đương nhiên là ta không thể chấp vào công đức. Vô lượng công đức thực không phải là vô lượng công đức nên mới gọi là vô lượng công đức.

Đoạn 17: CỨU KÍNH VÔ NGÃ

Nhĩ thời Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Thiện nam tử, thiện nữ nhân phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, đương sanh như thị tâm, ngã ưng diệt độ nhất thiết chúng sanh, diệt độ nhất thiết chúng sanh dĩ nhi vô hữu nhất chúng sanh thật diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ-tát. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả.

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phật sở, hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở, vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Phật ngôn:

- Như thị, như thị! Tu-bồ-đề, thật vô hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, Nhiên Đăng Phật tắc bất dữ ngã thọ ký: Nhữ ư lai thể đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Dĩ thật vô hữu pháp đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: Nhữ ư lai thể, đương đắc tác Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp Phật đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Như Lai sở đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, ư thị trung, vô thật vô hư, thị cố Như Lai thuyết: Nhất thiết pháp giai thị Phật pháp. Tu-bồ-đề! Sở ngôn nhất thiết pháp giả tức phi nhất thiết pháp, thị cố danh nhất thiết pháp. Tu-bồ-đề! Thí như nhân thân trường đại.

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thuyết nhân thân trường đại tắc vi phi đại thân, thị danh đại thân.

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát diệt như thị. Nhược tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng chúng sanh, tức bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Thật vô hữu pháp danh vi Bồ-tát, thị cố Phật thuyết nhất thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát tác thị ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ, thị bất danh Bồ-tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm.

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chân thị Bồ-tát.

Dịch: TỐT CÙNG KHÔNG CÓ NGÃ

Khi ấy ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì có sao? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát. Vì có sao? Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai ở nơi Phật Nhiên Đăng có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, Phật ở nơi Phật Nhiên Đăng không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo:

- Như thế, như thế! Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Nếu có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đức Phật Nhiên Đăng ắt không thọ ký cho ta: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Do thật không có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế nên đức Phật Nhiên Đăng mới thọ ký cho ta, nói thế này: Ở đời sau, ông sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Vì có sao? Như Lai tức là nghĩa Như của các pháp. Nếu có người nói Như Lai được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, này Tu-bồ-đề, thật không có pháp Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề! Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong ấy không thật, không hư. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Nay Tu-bồ-đề! Nói tất cả pháp đó tức không phải tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp. Nay Tu-bồ-đề, thí như có người thân cao lớn.

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

- *Bạch Thế Tôn! Như Lai nói thân người cao lớn ắt không phải thân lớn, ấy gọi là thân lớn.*

- *Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp tên là Bồ-tát. Thế nên Phật nói: tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả.*

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói lời thế này: ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ấy chẳng gọi là Bồ-tát. Vì có sao? Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, ấy gọi là trang nghiêm.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, Như Lai gọi đó là chân thật Bồ-tát.

Giải thích: Đoạn này là bắt đầu nửa sau của kinh. Nửa sau này gồm những đề mục tương tự như nửa đầu, nhưng với cái nhìn sâu sắc hơn, cho người đã dày công tu học. Đoạn 17 này đưa vô ngã đến mức rốt ráo toàn diện.

Tu-bồ-đề lập lại câu hỏi đã hỏi từ đầu kinh: “Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia?”⁵⁸

Trong nửa đầu của kinh, Bồ tát trụ tâm và hàng phục tâm bằng cách hành pháp (bồ thí, nhẫn nhục, hay diệt độ) mà “nên không có chỗ trụ” (ưng vô sở trụ). Đây gọi là “đoạn trừ sở chấp”, tức là đoạn trừ nơi chấp, đoạn trừ ý niệm được ta chấp. Đây cũng gọi là “ly tướng” (lìa tướng), tức là không chấp vào tướng nào. Lìa tướng hay đoạn trừ sở chấp, là đoạn trừ chấp tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tuy vậy, thật ra vẫn còn một chút xú ngã, đó là cái ngã làm việc “lìa tướng”, làm việc “đoạn trừ sở chấp.”

Trong nửa sau của kinh, “Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên sanh tâm như thế này: Ta nên diệt độ tất cả chúng sanh, diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ. Vì có sao? Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả ắt không phải là Bồ-tát.” Tức là ngay từ đầu, ngay khi **phát** tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là đã **sanh** “tâm vô ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả”, tức là tâm bình đẳng, không phân biệt. Tâm bình đẳng, không phân biệt, thì cũng là tức là tâm vô chấp, tâm không có chỗ trụ (đã nói đến trong Đoạn 14, gần cuối nửa đầu của kinh). Tâm này không biết chấp, không biết trụ, nên không biết đến chấp tướng và lìa tướng. Sanh tâm này tức là “đoạn trừ năng chấp”, đoạn trừ khả năng chấp trước của tâm, hay còn gọi là “ly niệm”, lìa ý niệm về chấp ở trong tâm.⁵⁹

“Tâm vô ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả” này là vô ngã rất rốt ráo. Tâm này thấy ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, và tất cả các pháp, đều như nhau, đều là Không, là Như Lai. Vì vậy, Bồ tát diệt độ tất cả chúng sanh rồi mà không có một chúng sanh thật diệt độ.

⁵⁸ Câu hỏi này ở Đoạn 2 và Đoạn này đều viết y hệt như nhau trong Hán văn, nhưng HT Thích Thanh Từ dịch mệnh đề “vân hà ưng trụ” khác nhau. Trong Đoạn 2, dịch là “nên làm sao trụ”, trong đoạn này dịch là “làm sao an trụ”. Thực ra trụ có hai nghĩa: Một là “đứng cố định” hay “đứng chắc chắn”, tức là một động từ. Hai là “an trụ”, tức là được bình yên vững chãi, tức là một tĩnh từ. Dịch như trong Đoạn 2 mới giữ rõ cả 2 nghĩa.

⁵⁹ Xem chú thích về “tâm không chỗ trụ”, Đoạn 14 ở trên.

Hơn nữa, từ đoạn này trở đi, từ “vô ngã” còn mang theo một ý nghĩa cực kỳ rộng rãi. Thông thường khi nói đến “vô ngã” là ta nghĩ đến “tôi”—ngã là “tôi” hay “cái tôi” hay “sự hiện hữu của tôi”, và vô ngã là “không tôi” hay “không cái tôi” hay “không có sự hiện hữu của tôi”.

Tuy nhiên, “ngã” không phải chỉ một mình tôi mới có, mà những người khác, ai cũng có một “ngã” như vậy. Và tất cả các chúng sinh, mỗi một chúng sinh cũng đều có “ngã”. Và tất cả các pháp, mỗi pháp cũng đều có “ngã”.

Vì vậy, vô ngã cũng rộng rãi như vậy, có thể áp dụng từ tôi, đến mọi người, đến mọi chúng sinh, đến tất cả các pháp. Như vậy *tất cả các pháp là vô ngã*⁶⁰ có nghĩa là tất cả các pháp, cũng như cái tôi của ta, đều là ảo tướng, không thường hằng vĩnh cửu, không thật. Và “tất cả các pháp” bao gồm tất cả loài người, tất cả chúng sinh, tất cả mọi vật, tất cả mọi sự, tất cả mọi niệm, tất cả Phật pháp. *Thế nên Phật nói, tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả.*⁶¹

Và vì vậy Phật nói, *Tu-bồ-đề, thật không có pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*. Vì Bồ tát không tướng ngã nên không thấy mình phát tâm. Vì các pháp đều vô ngã nên thật không có pháp phát tâm.

Tương tự như vậy, *Tu-bồ-đề, thật không có pháp Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*, vì tất cả các pháp đều vô ngã.

Vì không có pháp được Vô thượng Vô đẳng Chánh giác cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni mới được Phật Nhiên Đăng thọ ký thành Phật. Nếu có pháp được Vô thượng Vô đẳng chánh giác, tức là Bồ tát phải dùng pháp đó, phải chấp vào pháp đó, để thành Phật, và như vậy thì không thể thành Phật được vì vẫn còn chấp trước.

Nhưng vì sao được thành Phật nếu không có pháp thành Phật? Vì Như Lai (Phật) là “nghĩa như” của các pháp, tức là “tính cách như thế” của các pháp⁶², tức là “tánh” của các pháp, không phải là một tướng nào cả. Là tất cả các tướng thì chỉ còn tánh. Vì vậy, “được” Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật ra là chẳng “được” gì cả; Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là “bỏ” hết mọi tướng chứ đâu có nhặt được cái gì, đâu có nắm giữ cái gì, mà nói là “được” pháp này, “được” pháp kia.

(Chính Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng là không thật. Đó cũng chỉ là tướng và danh; trong tánh không có cao thấp, chánh tà, đẳng cấp, giác mê; cho nên chỉ tạm gọi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thế thôi).

Vì vậy, trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (hay trong Như Lai) không có thật cũng không có giả, vì thật giả là tướng, là phân biệt—tướng thật và tướng giả--mà trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không có tướng nào.

Và vì trong Vô lượng Chánh đẳng Chánh giác (hay trong Như Lai) không có phân biệt giữa các pháp--tất cả các pháp đều bình đẳng như nhau, tất cả các pháp đều vô ngã--cho nên tất cả các pháp đều là Phật pháp; tất cả các pháp đều giảng cho ta vô thường, vô ngã; tất cả các pháp đều là tướng từ đó ta có thể thấy tánh.

⁶⁰ Xem Đoạn 28.

⁶¹ Các tướng nhân, chúng sanh, thọ giả đều chỉ là sự mở rộng của tướng ngã.

⁶² “Như Lai có nghĩa là tính cách như thế của các pháp,” trong tiếng Anh là “Tathagata means the suchness of all dharmas”.

Và khi nói đến “tất cả các pháp” tức là nói theo tướng mà thôi, vì tánh của các pháp là Không—chẳng phải thật “tất cả các pháp”, cho nên chỉ tạm nói “tất cả các pháp”. Cũng như khi nói người thân lớn, theo tánh thì không phải thân lớn, nên chỉ tạm nói là thân lớn. Kinh Kim Cang rất lo ngại chúng ta chấp vào danh tướng, cho nên luôn luôn nhắc nhở chúng ta rằng ngôn từ chỉ là dùng tạm mà thôi.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế, nếu nói lời thế này: ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh, ắt không gọi là Bồ-tát. Vì cớ sao? Này Tu-bồ-đề! Thật không có pháp tên là Bồ-tát. Câu “thật không có pháp tên Bồ-tát” có hai nghĩa: (1) Không có pháp để thành Bồ-tát, vì tất cả các pháp đều vô ngã; (2) Không có chúng sinh nào là Bồ-tát, vì mọi chúng sinh đều vô ngã. Vì vậy nếu còn nói “ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sanh” tức là còn chấp ngã, còn chấp chúng sanh, còn chấp pháp, nên không thể là Bồ-tát.

Thế nên Phật nói, tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Từ trước đến nay chỉ nói “Bồ-tát không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả”, nhưng nay lại nói “tất cả pháp không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả”, vậy nghĩa là sao? Nghĩa là Bồ-tát không khác các pháp, Bồ-tát và các pháp đều bình đẳng nhau, tất cả đều không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Tóm lại là không có khác biệt giữa Bồ-tát và tất cả các pháp—tất cả đều vô ngã.

Vì vậy, *Nếu Bồ-tát nói lời thế này: ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, ắt chẳng gọi là Bồ-tát*, vì như vậy là phân biệt “ta” và “trang nghiêm cõi Phật,” còn ngã trong ta và ngã trong pháp trang nghiêm cõi Phật. Như vậy là chưa thấu triệt vô ngã.

Trang nghiêm cõi Phật là vô ngã, không thật là trang nghiêm cõi Phật, vì vậy chỉ tạm gọi là trang nghiêm cõi Phật.

Vô ngã rốt ráo không phải chỉ là “tôi” vô ngã, mà còn là nhân vô ngã, chúng sanh vô ngã, tất cả các pháp vô ngã. *Nếu Bồ-tát thông đạt vô ngã, Như Lai gọi đó là Bồ-tát chân thật.*

Đoạn 18: NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu tuệ nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu tuệ nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu pháp nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu pháp nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai hữu Phật nhãn phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai hữu Phật nhãn.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Hằng hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Như Lai thuyết thị sa.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như nhất Hằng hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đẳng Hằng hà, thị chư Hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?

- Thập đa Thế Tôn!

Phật cáo Tu-bồ-đề:

- Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chúng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm giai vi phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu-bồ-đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

Dịch: ĐỒNG QUÁN CÓ MỘT THỂ

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có nhục nhãn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có nhục nhãn.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thiên nhãn chăng?*

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có thiên nhãn.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có tuệ nhãn chăng?*

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có tuệ nhãn.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có pháp nhãn chăng?*

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có pháp nhãn.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có Phật nhãn chăng?*

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai có Phật nhãn.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong sông Hằng có bao nhiêu cát, Phật nói là cát chăng?*

- Bạch Thế Tôn, như thế! Như Lai nói là cát.

- *Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như trong một sông Hằng có bao nhiêu cát, có những sông Hằng bằng số cát như thế, có các thế giới của Phật bằng số cát của những sông Hằng ấy, như thế thật là nhiều chăng?*

- Bạch Thế Tôn, rất là nhiều!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

- Trong các cõi nước đầy dẫy như thế, có tất cả chúng sanh có bao nhiêu thứ tâm, Như Lai thấy đều biết. Vì có sao? Như Lai nói các tâm đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai không thể được.

Giải thích: Trong đoạn này, cách nói hoàn toàn khác cách trước kia. Trước kia thì cái gì cũng không thực có, chỉ tạm gọi tên ra thôi. Trong đoạn này thì cái gì cũng được trả lời là có. Tất cả năm mắt của Như Lai, kể cả mắt thịt, cũng trả lời thẳng thừng là “có”! Thực ra Như

Lai chỉ cần một mắt Phật thôi là thấy đủ rồi, bốn mắt kia không cần, lại là tướng và hư vọng, thế thì tại sao mọi mắt bây giờ là “có”?

Thưa, bởi vì bây giờ chúng ta đã vượt cao hơn giai đoạn đầu. Trong giai đoạn đầu ta tu tập để nhận thấy tất cả đều là tướng và không nên chấp tướng. Đến giai đoạn này là (1) nhìn tướng thấy tánh—nhìn cái gì cũng biết đó là tướng hư vọng nhưng lại cũng là tánh Chân Như, cho nên biết có và biết không cùng một lúc, thấy biết như vậy thì đã rất sâu và chân thật, cho nên không còn lo phải vấp vào chấp, nói có cũng được, nói không cũng được, và (2) ta đã sanh “tâm vô ngã” không còn thấy phân biệt ngã và pháp—ngã và tất cả các pháp đều như nhau, tất cả đều là vô ngã, cho nên nắm bắt đều như nhau, không hơn không kém, đều là vô ngã.

Và bây giờ, hạt cát li ti là có. Đến vô lượng thế giới rộng lớn vô lượng vô biên cũng là có (Các thế giới này lớn rộng bằng: Mỗi hạt cát của sông Hằng biến thành một sông Hằng, rồi mỗi hạt cát trong tất cả những sông Hằng đó biến thành một thế giới). Và tất cả các chúng sinh trong tất cả những thế giới này cũng là có.

Và tất cả những chúng sinh có bao nhiêu loại tâm Như Lai đều biết hết. Vì sao? Vì tâm của chúng sinh đều là tâm vọng động, tâm chưa thanh tịnh, tâm hư vọng phân biệt, cho nên Như Lai biết tất cả tâm của chúng sinh là như thế.

Hơn nữa, các tâm chúng sinh đều là tướng biểu hiện của tánh. Tánh của tất cả tâm chúng sinh là Như Lai. Cho nên nói là Như Lai biết tất cả tâm của chúng sinh.

Như Lai nói các tâm chúng sinh đều không phải tâm, ấy gọi là tâm. Ở đây ta lại trở lại cách nói cũ: Vậy, nhưng không phải vậy, nên gọi là vậy. Tại sao đang nói thẳng thừng mọi sự đều là có, lại bỗng nhiên trở về cách nói cũ?

Cách nói cũ thực ra có ý mới ở đây. Ý cũ là: Khi ta nói tâm chúng sinh thì ta chỉ nói đến tướng của tâm, tướng đó không phải là tánh của tâm, nên chỉ tạm gọi đó là tâm thôi. Ý mới là: Tâm chúng sinh là tâm vọng động, không phải là tâm chân thật—tâm chân thật là tâm không còn vọng động, là Phật, là Như Lai; cho nên gọi là tâm chúng sinh.

Tương tự như thế, tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, đều là tâm vọng động. Quá khứ, hiện tại, vị lai là do tâm chúng sinh chấp vào các tướng thay đổi mà sanh ra. Trong thực tánh không có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Hay nói cách khác, Như Lai là tánh, hoàn toàn tĩnh lặng, không sinh, không diệt, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm, không đến, không đi, không một, không khác, không thường, không đoạn, không có, không không.⁶³

Tất cả các tướng, từ năm loại mắt, cho đến hạt bụi, cho đến vô lượng vô số thế giới, cho đến vô lượng vô số chúng sinh, cho đến tất cả tâm chúng sinh, cho đến quá khứ hiện tại vị lai, tất cả có tướng khác nhau, nhưng tất cả đều là một, đều là một tánh, đều là Như Lai.

⁶³ Kinh Trí Độ Luận: “Quán hết thấy pháp bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh, bất lai, bất khứ, bất nhất, bất dị, bất thường, bất đoạn, phi hữu, phi vô”.

Đoạn 19: PHÁP GIỚI THÔNG HÓA

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Nhược hữu nhân mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước đa phủ?

- Như thị Thế Tôn! Thử nhân dĩ thị nhân duyên đắc phước thậm đa.

- Tu-bồ-đề! Nhược phước đức hữu thật, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa, dĩ phước đức vô cố, Như Lai thuyết đắc phước đức đa.

Dịch: PHÁP GIỚI THÔNG SUỐT KHÔNG BỊ NGĂN TRỞ

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có người đem bảy báu đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng?

- Bạch Thế Tôn! Như thế! Người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều.

- Này Tu-bồ-đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.

Giải thích: Phật hỏi, Nếu có người đem bảy báu đầy đầy cả tam thiên đại thiên thế giới dùng bố thí, người ấy do nhân duyên này được phước đức nhiều chăng? Trước đây, thì câu trả lời luôn luôn là “không”, nhưng bây giờ Tu-bồ-đề lại trả lời là “có”: *Người này do nhân duyên đó được phước đức rất nhiều.* Đây tức là cách trả lời của người nhìn tướng thấy tánh, thấy các pháp đều là vô ngã và đều là Như Lai, mà chúng ta đã nói trong đoạn 18.

Và Phật lại nói như trước kia: *Nếu phước đức có thật, Như Lai chẳng nói được phước đức nhiều, do phước đức không, nên Như Lai nói được phước đức nhiều.* Tức là, vẫn như cũ, phước đức cũng chỉ là danh tướng, thật tánh của phước đức là Không, vì vậy chỉ tạm nói theo tướng là phước đức nhiều. Tại sao chỗ này Phật nói theo cách cũ là phước đức không thật, nhưng trước đó Tu-bồ-đề lại nói theo cách mới là có phước đức rất nhiều? Đó là ý gì?

Đó là ý rằng nói có pháp cũng được và không có pháp cũng được, điều quan trọng là hiểu đâu là tướng đâu là tánh. Khi bắt đầu tu học, ta phải xả bỏ thói quen phàm phu nhìn các pháp là “có”, và tập nhận biết tất cả các pháp đều là tướng hư vọng, cho nên lúc nào cũng trả lời là “không.” Đó là đoạn trừ chấp “có”.

Cho đến lúc khá thành thực rồi, thì lại phải tránh chấp “không”, và phải biết rằng tướng và tánh không thể rời nhau--tướng là tướng của tánh, tánh là tánh của tướng—nhìn tướng là thấy tánh, cho nên mới nói là “có”. Nhưng “có” này không phải là “có” của phàm phu trước kia, mà là “có mà cũng là Không”; đó là “sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc; sắc tức là Không, Không tức là sắc” của Bát Nhã Tâm Kinh.

Và dù là nói “có” hay nói “không” thì bản chất của vấn đề vẫn như nhau: Bất kỳ điều gì ta nói đến cũng chỉ là danh tướng hư vọng, không phải thật tánh; thật tánh của các pháp là Không, là Như Lai; nhưng ta sống trong thế giới danh tướng nên của phải tạm dùng danh tướng để nói.

Đoạn 20: LY SẮC LY TƯỚNG

Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Phật khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

- Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

- Phát dã Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

Dịch: LÌA SẮC, LÌA TƯỚNG

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Phật có thể do đầy đủ sắc thân mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ sắc thân mà thấy. Vì có sao? Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân ấy gọi là đầy đủ sắc thân.

- Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai có thể do đầy đủ các tướng mà thấy chăng?

- Bạch Thế Tôn, không vậy! Như Lai không nên do đầy đủ các tướng mà thấy. Vì có sao? Như Lai nói các tướng đầy đủ tức chẳng phải đầy đủ, ấy gọi là các tướng đầy đủ.

Giải thích: Hai câu hỏi trong đoạn này thực ra là một, lặp lại hai lần, là để giúp người đọc quan tâm đến vấn đề: Có thể dùng “sắc thân đầy đủ” hay “các tướng đầy đủ” để thấy Như Lai?

Câu hỏi này đã từng được hỏi trong Đoạn 5, “Có thể do thân tướng mà thấy Như Lai chăng?” Và câu trả lời trong Đoạn 5 là “**Không thể** do thân tướng thấy được Như Lai.” Nhưng câu trả lời trong đoạn này lại là “**Không nên** do đầy đủ sắc thân” và “**Không nên** do đầy đủ các tướng” mà thấy Như Lai. “Không nên” tức là “có thể, nhưng không nên”. Vậy, trước kia thì “Không thể”, tại sao bây giờ lại đổi thành “Không nên”?

Thưa vì lúc mới tu học, lúc đó ta còn hay chấp tướng như kẻ phàm phu, thì phải lo tập trung năng lực vào việc nhận diện tướng và lìa tướng, cho nên mới nói là “không thể” dùng tướng mà thấy Như Lai. Nhưng bây giờ thì đã thành thực phần nào, đã biết nhìn tướng thấy tánh, thì có thể dùng “sắc thân đầy đủ” hay “các tướng đầy đủ” để thấy Như Lai. Tuy là có thể, nhưng vẫn không nên, vì mỗi khi dùng tướng thì vẫn luôn luôn có nguy cơ “chấp tướng” rình rập. Ví dụ dễ thấy nhất là nghiêng người chấp vào tượng Phật và cho đó là Phật.

Nhưng nếu không nên, thì cách nào là nên? Thưa, “nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.” Tức là, (1) phải xem các tướng của tất cả các pháp đều bình đẳng nhau, không thể xem “sắc thân đầy đủ” hay “các tướng đầy đủ” của Phật quan trọng hơn tướng của pháp nào. Và (2) tất cả các tướng, kể cả các tướng Phật, đều vô ngã, đều là biểu hiện phù du tạm thời của một thể tánh chân thật, đó là Không, là Như Lai.

Đoạn 21: PHI THUYẾT SỞ THUYẾT

- Tu-bồ-đề! Như vật vị Như lai tác thị niệm: ngã đương hữu sở thuyết pháp, mặc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược nhân ngôn Như Lai hữu sở thuyết pháp tức vi báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu-bồ-đề! Thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.

Nhĩ thời Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ? Phật ngôn:

- Tu-bồ-đề! Bỉ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Chúng sanh, chúng sanh giả, Như Lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh.

Dịch: KHÔNG NĂNG THUYẾT VÀ SỞ THUYẾT

- *Này Tu-bồ-đề, ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: ta sẽ có nói pháp, chớ khởi cái nghĩ ấy. Vì có sao? Nếu người nói Như Lai có nói pháp tức là phỉ báng Phật, không thể hiểu nghĩa ta đã nói. Này Tu-bồ-đề, nói pháp đó không có pháp có thể nói ấy gọi là nói pháp.*

Khi ấy ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, vả lại có chúng sanh ở đời vị lai nghe nói pháp này sanh lòng tin chăng?

Phật bảo:

- *Tu-bồ-đề, kia chẳng phải chúng sanh, chẳng phải chẳng chúng sanh. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, ấy gọi là chúng sanh.*

Giải thích: Nếu nói Như Lai **nghĩ** rằng “Ta sẽ thuyết pháp” tức là phỉ báng Phật, là không hiểu lời Phật giảng. Vì sao? Vì nếu Như Lai **nghĩ** rằng “Ta sẽ thuyết pháp” là Như Lai còn chấp tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng pháp—“ngã” thuyết pháp, “nhân và chúng sinh” nghe pháp, có “pháp” để ta thuyết.

Chữ quan trọng ở đây là chữ “nghĩ” (niệm). “Nghĩ” tức là chấp, có niệm là có chấp. Làm mà không chấp thì làm mà không nghĩ (vô niệm). Dĩ nhiên là Phật có thuyết pháp đến 49 năm. Nhưng thuyết pháp mà “không nghĩ”, không chấp vào “tôi thuyết pháp cho chúng sinh” tức là không chấp vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, pháp.

Lại nữa, tất cả các pháp đều là danh tướng hư vọng. Thật tánh của các pháp là Không, nên thật không có pháp để nói. Vì vậy, nếu có thuyết pháp thì pháp đó cũng chỉ là danh tướng, nên chỉ tạm gọi là thuyết pháp.

Vậy thì có pháp để thuyết hay không có pháp để thuyết? Nói có thì cũng không đúng—vì pháp là tướng hư vọng; nói không có cũng không đúng, vì Phật có giảng pháp 49 năm. Cũng

nếu nói rằng có chúng sinh ở đời vị lai nghe pháp này mà sinh lòng tin, thì các chúng sinh đó không phải là chúng sinh, vì chỉ là tướng chúng sinh—tánh thật của chúng sinh là Không. Nhưng các chúng sinh đó cũng chẳng phải là “không chúng sinh”, vì “không chúng sinh” cũng chỉ là tướng—tánh thật của “không chúng sinh” là Không. Nghĩa là ta không thể chấp vào bất kỳ tướng nào, cả tướng có lẫn tướng không.

Tướng là tướng. “Có” cũng là tướng, “không” cũng là tướng, hạt bụi cũng là tướng, tam thiên đại thiên thế giới cũng là tướng, pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng là tướng, quá khứ hiện tại vị lai cũng là tướng. Bất kỳ ý gì, niệm gì, tướng gì trong tâm ta đều là tướng. Phi tướng (“không có tướng”) cũng là tướng, vì “không có tướng” cũng là một ý niệm trong tâm ta.

Thật tánh vượt lên trên tất cả mọi tướng. Tánh là không vướng mắc vào tướng nào. Nhưng tánh không loại bỏ tướng, vì ngoài tướng không có tánh, cũng như ngoài sóng không có nước.

Cho nên ta vẫn nói là có chúng sinh, nhưng theo tánh mà nói (“Như Lai nói”) thì đó chẳng phải là chúng sinh mà chỉ là tướng chúng sinh, vì vậy chỉ tạm gọi là chúng sinh.

Đoạn 22: VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phật đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, vì vô sở đắc da?

Phật ngôn:

- Như thị, như thị! Tu-bồ-đề! Ngã ư A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Dịch: KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là không được ư?

Phật bảo:

- Đúng như thế, như thế! Nay Tu-bồ-đề, ta đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hẳn đến không có một chút pháp có thể được, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giải thích: Đoạn trên (21) nói là không có pháp có thể thuyết. Không có pháp có thể thuyết thì dĩ nhiên là không có pháp có thể đắc (được).

Tất cả các pháp đều là tướng, và “liã” tất cả các tướng, tức là “liã” tất cả các pháp, thì “được” Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chứ đâu có “nắm” pháp nào để thành Phật đâu. Nhưng

nói là “được” Vô thượng Vô đẳng Chánh giác cũng không đúng, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là “bỏ” hết chấp, chứ đâu có “được” gì. Cho nên không có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay bất kỳ một pháp nhỏ nào để mà được. Đó chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đoạn 23: TỊNH TÂM HÀNH THIỆN

Phục thứ Tu-bồ-đề! Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thị danh A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Dĩ vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả tu nhất thiết thiện pháp tắc đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Sở ngôn thiện pháp giả, Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

Dịch: TÂM TRONG SẠCH LÀM VIỆC THIỆN

Lại nữa Tu-bồ-đề, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do không ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả tu tất cả pháp lành tức được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tu-bồ-đề, nói rằng pháp lành đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp lành, ấy gọi là pháp lành.

Giải thích: Đoạn trên (22) là nói theo tánh, “Không có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”, nhưng đoạn này thì nói theo tướng, “Có pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Trước hết, pháp này bình đẳng không có cao thấp, ấy gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bình đẳng vì tất cả đều như nhau: tất cả các pháp đều là tướng hư vọng, tất cả các pháp đều tánh Không, tất cả các pháp đều là Phật pháp. Khi được bình đẳng này thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì đã thực sự trở về với tánh. Vô thượng thì không gì cao hơn. Nhưng vì cũng không cao hơn gì, cho nên đó là bình đẳng.

Không chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả là bình đẳng. Bình đẳng như thế mà tu tất cả các pháp lành thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng mà tại sao lại pháp lành? Pháp ác thì sao? Thưa, vì nếu làm pháp ác thì đương nhiên là phải chấp ngã nhân, chúng sanh, thọ giả, các pháp. Ví dụ: Nếu giết người thì đương nhiên là chấp ngã (tôi, kẻ giết người), chấp nhân (người bị tôi giết), tôi không là hắn, hắn không là tôi. Trộm cắp thì đương nhiên là chấp ngã, chấp nhân, chấp tiền bạc của cải, chấp tham lam.

Chỉ có pháp lành mới có thể làm mà không chấp, như là bố thí hay trì kinh mà không chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, pháp.

Hơn nữa, chỉ có thực hành pháp lành mới thực sự là không còn chấp, ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, vì nếu thấy người thiếu thốn mà không bố thí, tức là còn thấy ngã, thấy nhân. Nếu thấy người thiếu thốn mà mình có cảm tưởng như chính mình thiếu thốn, đó mới là không còn thấy ngã, thấy nhân.

Vì vậy, trong tướng, có pháp lành, tu tất cả các pháp lành để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tuy nhiên, pháp có thể hành nhưng không thể chấp. Hành pháp mà không chấp pháp và không chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Và pháp lành thì cũng chỉ là theo tướng mà nói, trong tánh không có pháp lành, cho nên chỉ gọi tạm là pháp lành thôi.

Đoạn 24: PHƯỚC TRÍ VÔ TỈ

Tu-bồ-đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung sở hữu chư Tu-di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhân trì tụng bố thí. Nhược nhân dĩ thử Bát-nhã Ba-la-mật kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhân thuyết, ư tiền phước đức bách phần bất cập nhất, bách thiên vạn ức phần nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Dịch: PHƯỚC TRÍ KHÔNG GÌ SÁNH BẰNG

Này Tu-bồ-đề, nếu trong tam thiên đại thiên thế giới có các ngọn núi Tu-di chứa, như thế dùng bảy báu nhóm hợp bằng những ngọn núi Tu-di ấy có người mang ra bố thí. Hoặc có người đem kinh Bát-nhã Ba-la-mật này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì đọc tụng, vì người khác nói thì phước đức của người này đối với người trước, người này trăm phần, người kia không bằng một, trăm ngàn muôn ức phần cho đến toán số thí dụ cũng không thể bằng.

Giải thích: Đây cũng là theo tướng mà nói có phước đức. Tam thiên đại thiên thế giới là một tỉ thái dương hệ. Núi Tu-di chứa là núi vô cùng lớn. Nếu dùng bảy loại châu báu nhiều bằng các núi Tu-di chứa trong tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, thì phước đức vô lượng vô biên. Nhưng phước đức đó không bằng một phần cực nhỏ của phước đức của người thọ trì đọc tụng giảng dạy chỉ bốn câu của kinh này. Sở dĩ như vậy, vì chỉ bốn câu của kinh này cũng đủ cho người có lòng tin thật là bỏ tất cả các tướng, thành Phật.

Đoạn 25: HÓA VÔ SỞ HÓA

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: ngã đương độ chúng sanh. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thật vô hữu chúng sanh Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tác hữu ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Tu-bồ-đề! Như Lai thuyết hữu ngã giả tác phi hữu ngã, nhi phạm phu chi nhân dĩ vi hữu ngã. Tu-bồ-đề! Phạm phu giả, Như Lai thuyết tác phi phạm phu, thị danh phạm phu.

Dịch: GIÁO HÓA KHÔNG CÓ CHỖ GIÁO HÓA

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Các ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế này: ta sẽ độ chúng sanh. Này Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy. Vì có sao? Thật không có chúng sanh Như Lai độ đó. Nếu có chúng sanh Như Lai độ đó thì Như Lai ắt có ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phạm phu cho là có ngã. Này Tu-bồ-đề, người phạm phu đó Như Lai nói tức không phải phạm phu, ấy gọi là phạm phu.

Giải thích: Đây cũng lại nói đến vô niệm (“không nghĩ”). Đừng nói là Như Lai **nghĩ** rằng “ta sẽ độ chúng sanh” vì nếu Như Lai **nghĩ** như thế tức là Như Lai còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Như Lai độ chúng sanh, nhưng “không nghĩ” là độ chúng sanh.

Câu “*Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã mà người phàm phu cho là có ngã*” có một điểm mới rất đặc biệt. Đến lúc này chúng ta đã khá quen thuộc với lối nói “Nói có ngã tức không phải có ngã nên mới gọi là có ngã.” Nhưng trong đoạn này lại có thêm hai chủ thể: Như Lai và phàm phu.

“*Như Lai nói có ngã ắt không phải có ngã*” cho ta biết là những đoạn kinh “nói có” vừa rồi— “có” pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, “có” pháp lành để tu tập, “có” được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, “có” phước đức vô lượng, “có” ngã--là cách nói “có” của Như Lai, tức là cách nói của người đã thấy được tánh, nhìn tướng thấy tánh, dùng tướng mà nói nhưng hàm ý là tánh. Đó là “có” nhưng cũng là “Không”, nói tướng nhưng chỉ tánh.

“*Mà người phàm phu cho là có ngã*” thì lại là cái “có” của phàm phu, cái “có” của người chấp tướng--chấp vào tướng hư vọng và cho rằng tướng là thật.

Cách nói của Như Lai, của người đã giác ngộ, luôn luôn hàm 3 ý trong một chữ, ví dụ như chữ “phàm phu” trong câu sau đây: (1) *Người phàm phu đó* (2) *Như Lai nói tức không phải phàm phu*, (3) *ấy gọi là phàm phu*.

Đoạn 26: PHÁP THÂN PHI TƯỚNG

Tu-bồ-đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Như thị, như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.

Phật ngôn:

- Tu-bồ-đề! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh vương tác thị Như Lai.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

Dịch: PHÁP THÂN CHẴNG PHẢI LÀ TƯỚNG

Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có thể do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai chăng?

Tu-bồ-đề thưa rằng:

- *Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.*

Phật bảo:

- *Tu-bồ-đề, nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh vương tức là Như Lai.*

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

- *Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.*

Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

*Nếu do sắc thấy ta,
Do âm thanh cầu ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy Như Lai.*

Giải thích: Đoạn này lập lại ý của Đoạn 20 và Đoạn 5. Phật hỏi “*Có thể do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai chăng?*” Tu-bồ-đề trả lời “*Như thế, như thế, do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai.*” Đây là câu trả lời “có” của bậc đã giác ngộ (như ta vừa bàn trong Đoạn 25).

Và câu trả lời này trái ngược với câu trả lời thuộc loại “không” trong Đoạn 5: “*Không thể do thân tướng thấy được Như Lai*”.

Tuy nhiên trong đoạn này, Đức Phật lại trả lời Tu-bồ-đề: “*Nếu do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai.*” Câu này không nói là Tu-bồ-đề sai, nhưng nó cho thấy phương cách của Tu-bồ-đề đôi khi có thể có trở ngại, vì Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng như thế.

Vì thế Tu-bồ-đề mới nói tiếp: “*Bạch Thế Tôn, như chỗ hiểu của con qua nghĩa Phật nói, không nên do ba mươi hai tướng mà xem Như Lai*”. Đây là câu trả lời đã có trong đoạn 20, không phải là “**không thể**” mà là “**không nên**”, vì nếu dùng tướng Phật để mà xem Phật thì cũng có thể được đối với người căn cơ đã cao (người này nhìn vào tướng nào cũng thấy Như Lai), nhưng cũng rất dễ rơi vào chấp tướng, vì đã nghĩ đến dùng thân tướng Phật là đã chấp vào đó rồi.

Như Lai là không còn chấp vào một tướng nào, nghĩa là nhìn tất cả các tướng đều thấy không phải là tướng. “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai.*” Tức là, khi nhìn thấy bất kỳ điều gì cũng biết rằng đó là tướng, và đồng thời tướng đó chẳng phải là tướng, mà tướng đó là một biểu hiện vô thường của tánh Không thường hằng, thì lúc đó ta thấy được Như Lai.

Nếu chỉ do tướng mà tìm Phật, thì đó là tà đạo, vì chấp tướng thì không thể thấy Phật. Ngược lại, phải xả bỏ hết mọi tướng, nhìn tướng mà thấy tánh, mới là thấy Như Lai.

Vì vậy Phật nói:

*Nếu do sắc thấy ta,
Do âm thanh cầu ta,
Người ấy hành đạo tà,
Không thể thấy Như Lai.*

Đoạn 27: VÔ ĐOẠN, VÔ DIỆT

Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố đắc A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề. Tu-bồ-đề! Nhữ nhược tác thị niệm: phát A-nậu-đa-la

tam-miêu tam-bồ-đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt, mặc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Phát A-nậu-đa-la tam-miêu tam-bồ-đề tâm giả, ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

Dịch: KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT

Này Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: Như Lai chẳng do các tướng cụ túc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, chớ khởi nghĩ thế ấy, Như Lai không do tướng cụ túc mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tu-bồ-đề, nếu ông khởi nghĩ thế này: người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nói các pháp đoạn diệt, chớ khởi cái nghĩ này. Vì có sao? Vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với pháp không có nói tướng đoạn diệt.

Giải thích: Đoạn này nói đến “không đoạn diệt tướng.” Đây là điểm rất vi tế, cần hiểu rõ. Từ trước đến nay ta hay luôn luôn nói đến “lìa tướng”, “vô tướng”. Vì thế, rất nhiều người hiểu lầm là phải đoạn diệt tướng. Nhưng tướng không thể đoạn diệt được, bởi vì tướng với tánh tuy hai mà một, tuy một mà hai. Không thể đoạn diệt sóng mà có thể giữ nước. Ngoài sóng không có nước. Ngoài tướng không có tánh.

Lìa tướng là không chấp vào tướng, không để một ý niệm nào đó chi phối suy tưởng và hành động của mình, nhưng lìa tướng không phải là xem như tướng hoàn toàn không có. Không chấp vào vàng là không để vàng làm cho mình chạy theo, chứ không có nghĩa là không thấy thỏi vàng nằm ngay trước mắt. “Đoạn diệt tướng” là xem như tướng hoàn toàn không có; đó chính là “chấp phi tướng”. Chấp tướng là chấp có, chấp phi tướng là chấp không. Cả hai đều là chấp tướng, vì “có” cũng là tướng và “không” cũng là tướng.

Vì vậy, không nên nghĩ rằng “Như Lai không do các tướng đầy đủ, cho nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”⁶⁴ Nếu không có các tướng đầy đủ thì không có hóa thân Thích Ca Mâu Ni, không có ai để thành Phật.

Và cũng đừng nghĩ rằng người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì thuyết giảng sự đoạn tuyệt các pháp, vì người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thuyết giảng “tướng đoạn diệt.” “Đoạn diệt” cũng là một tướng mà ta không thể chấp.

Đoạn 27: BẤT THỌ, BẤT THAM

Tu-bồ-đề! Nhược Bồ-tát dĩ mãn Hằng hà sa đẳng thế giới thất bảo trì dụng bố thí, nhược phục hữu nhân tri nhất thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhẫn. Thử Bồ-tát thắng tiền Bồ-tát sở đắc công đức. Hà dĩ cố? Tu-bồ-đề! Dĩ chư Bồ-tát bất thọ phước đức cố.

Tu-bồ-đề bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà Bồ-tát bất thọ phước đức?

- Tu-bồ-đề! Bồ-tát sở tác phước đức bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức.

⁶⁴ Trong bản dịch của HT Thích Thanh Từ không có chữ “cho nên”, tức là chữ “cố” trong bản Hán Việt. Chữ “cho nên” cần ở đây để làm rõ câu văn.

Dịch: KHÔNG THỌ, KHÔNG THAM TRƯỚC

Này Tu-bồ-đề, nếu Bồ-tát dùng thất bảo đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng để đem bố thí, nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã được thành đức nhẫn nhục, thì Bồ-tát này được công đức hơn vị Bồ-tát trước. Vì có sao? Này Tu-bồ-đề, do các vị Bồ-tát không thọ phước đức.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, thế nào là Bồ-tát không thọ phước đức?

- Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức.

Giải thích: Đoạn này nói đến vô ngã và vô chấp. Hai ý niệm này đi liền với nhau như hai bánh xe của chiếc xe đạp. Nếu ta vô ngã, tức là không chấp vào tướng ngã, thì ta cũng sẽ không chấp vào tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng pháp.

“*Nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã*”. Đây là nói lại vô ngã rốt ráo đã nói trong Đoạn 17, đoạn đầu tiên của nửa sau của kinh này. Thông thường khi nói đến “vô ngã” là ta nghĩ đến “tôi” và vô ngã là “không tôi.” Tuy nhiên, “ngã” không phải chỉ một mình tôi mới có, mà những người khác, ai cũng có một “ngã” như vậy. Và tất cả các chúng sinh, mỗi một chúng sinh cũng đều có “ngã”. Và tất cả các pháp, mỗi pháp cũng đều có “ngã”.

Vì vậy, vô ngã cũng rộng rãi như vậy, có thể áp dụng từ tôi, đến mọi người, đến mọi chúng sinh, đến tất cả các pháp. Như vậy “tất cả các pháp là vô ngã” có nghĩa là tất cả các pháp đều là ảo tướng, không thật. Và “tất cả các pháp” bao gồm tất cả loài người, tất cả chúng sinh, tất cả mọi vật, tất cả mọi sự, tất cả mọi niệm, tất cả Phật pháp. Như vậy, vô ngã rốt ráo cũng có nghĩa là vô chấp rốt ráo—không chấp vào bất cứ gì.

“*Người biết tất cả pháp là vô ngã được thành đức nhẫn nhục*”. Nếu vô ngã rốt ráo thì vô chấp rốt ráo, mà không chấp vào đâu thì được thành đức nhẫn nhục—kiên nhẫn và nhịn nhục. Kiên nhẫn vì không có gì kéo mình chạy, nhịn nhục vì không có ngã để làm mình tham sân si.

Nếu Bồ-tát dùng châu báu đầy cả thế giới bằng số cát sông Hằng để đem bố thí, nếu lại có người biết tất cả pháp là vô ngã được thành đức nhẫn nhục, thì Bồ-tát này được công đức hơn vị Bồ-tát trước.

Vì có sao? *Do các vị Bồ-tát không thọ phước đức. Bồ-tát làm phước đức mà chẳng nên tham trước, thế nên nói chẳng thọ phước đức.*” Tức là, vì Bồ-tát có đức nhẫn nhục nên Bồ-tát không tham chấp vào phước đức; và vì không tham chấp vào phước đức cho nên Bồ-tát có được nhiều công đức (nhiều hơn cả công đức của người bố thí vô lượng vô số châu báu).

Ở đây ta thấy sự liên hệ giữa vô ngã, vô chấp và công đức. Vô ngã đưa đến vô chấp, vô chấp đưa đến vô lượng công đức.

Đoạn 29: UY NGHI TỊCH TĨNH

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, thị nhân bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Như Lai giả, vô sở tùng lai diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai.

Dịch: BỐN OAI NGHI ĐỀU TỊCH TĨNH

Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói Như Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Vì có sao? Như Lai đó không từ đâu đến cũng không đi đâu nên gọi là Như Lai.

Giải thích: Người ta thường nói đến bốn uy nghi của Phật—đi, đứng, nằm, ngồi. Nhưng các uy nghi đó chỉ là tướng của hóa thân Phật, cũng như tướng của tất cả các pháp, không phải là Như Lai, không phải là Phật.

Như Lai trong tiếng Sankrist là Tathagata, và từ này có thể hiểu là “đến như thế, đi như thế” (thus-comes thus-goes), nếu đầy đủ trong Hán văn thì phải là “như lai như khứ”. Nhưng, đến mà không từ đâu đến, đi mà không đi đâu. Như Lai là không còn tướng nào, nói là đi mà không người đi, không nơi đi, không tướng đi, đó là trống lạng tịch tĩnh.⁶⁵

Cho nên nếu nói Như Lai đi đứng nằm ngồi là chưa thấy chưa hiểu Như Lai.

Đoạn 30: NHẤT HIỆP TƯỚNG LÝ

Tu-bồ-đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân dĩ tam thiên đại thiên thế giới toái vi vi trần, ư ý vân hà? Thị vi trần chúng ninh vi đa phủ?

Tu-bồ-đề ngôn:

- Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thật hữu giả, Phật tắc bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng tắc phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới tắc phi thế giới, thị danh thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thật hữu giả, tắc thị nhất hiệp tướng. Như Lai thuyết nhất hiệp tướng tắc phi nhất hiệp tướng, thị danh nhất hiệp tướng.

- Tu-bồ-đề! Nhất hiệp tướng giả tắc thị bất khả thuyết, đản phàm phu chi nhân tham trước kỳ sự.

Dịch: LÝ MỘT HỢP TƯỚNG

Này Tu-bồ-đề, nếu người thiện nam, thiện nữ đem thế giới tam thiên đại thiên này nghiền nát thành bụi, ý ông nghĩ sao? Số bụi này thật là nhiều chăng?

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

⁶⁵ Trống lạng tịch tĩnh nhưng mà không phải là chết mà là sinh động, vì là “đến như thế, đi như thế.”

- *Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Vì có sao? Nếu là bụi thật có đó thì Phật ắt không nói là bụi nhiều. Vì có sao? Phật nói các bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi. Bạch Thế Tôn, Như Lai nói thế giới tam thiên đại thiên tức không phải thế giới, ấy gọi là thế giới. Vì có sao? Nếu thế giới thật có thì ắt là một hợp tướng. Như Lai nói một hợp tướng tức không phải một hợp tướng ấy gọi là một hợp tướng.*

- *Này Tu-bồ-đề, một hợp tướng đó ắt không thể nói, chỉ người phạm phu tham trước việc ấy.*

Giải thích: Đoạn này giải thích hợp tướng của các pháp. Tam thiên đại thiên thế giới thật ra chỉ là do các hạt bụi nhỏ hợp lại mà thành. Đó chỉ là một hợp tướng.⁶⁶ Và mỗi hạt bụi thì thật ra cũng chỉ là một hợp tướng, do những hạt bụi nhỏ hơn hay là các nguyên tử hóa học hợp lại mà thành.

Nếu có hợp thì phải có tan. Hợp tan, tan hợp, chỉ là do nhân duyên. Dù nhân duyên để hợp thì hợp, dù nhân duyên để tan thì tan. Vì vậy, hợp tướng là phù du ảo ảnh, không thực. Cho nên Như Lai mới nói *bụi đó tức không phải là bụi, ấy gọi là bụi; thế giới tam thiên đại thiên tức không phải thế giới, ấy gọi là thế giới; một hợp tướng tức không phải một hợp tướng ấy gọi là một hợp tướng.*

Tướng hợp này, nói không thể được, vì tướng đã là không thực rồi, lại phải dùng danh không thực mà nói về tướng không thực, thì không thể nào diễn tả cho thật đúng được. Vì vậy chỉ có người phạm phu thiếu hiểu biết mới tham chấp vào tướng hay tham chấp vào việc nói về tướng.

Đoạn 31: TRI KIẾN BÁT SANH

Tu-bồ-đề! Nhược nhân ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Thị nhân giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?

- **Phát đã Thế Tôn! Thị nhân bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ có? Thế Tôn thuyết ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến tức phi ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến thị danh ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.**

- **Tu-bồ-đề! Phát A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề tâm giả, ư nhất thiết pháp ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bát sanh pháp tướng. Tu-bồ-đề! Sở ngôn pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.**

Dịch: TRI KIẾN CHĂNG SANH

Này Tu-bồ-đề, nếu có người nói: Phật nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, này -Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Người ấy hiểu nghĩa của ta nói chăng?

⁶⁶ Từ Hán Việt là “nhất hiệp tướng” thì phải dịch ra tiếng Việt là “tướng hợp nhất” hay “tướng hợp một” mới chính. Tức là “tướng” có tên là “hợp nhất” hay “hợp một”—nhiều thứ hợp lại thành một.

- *Bạch Thế Tôn, không hiểu vậy. Người ấy không hiểu nghĩa của Như Lai nói. Vì có sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.*

- *Này Tu-bồ-đề, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin hiểu, không sanh pháp tướng. Này Tu-bồ-đề, nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.*

Giải thích: Trước đây ta hay nghe đến tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng họ giả, nhưng trong đoạn này thì lại là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tướng và kiến khác nhau thế nào?

Kiến là thấy, đôi khi còn gọi là tri kiến (thấy biết). Tướng là hình ảnh được nhìn. Phải có thấy thì mới có tướng. Nếu tôi không thấy (chẳng hạn như là tôi mù) thì làm sao tôi nhận ra tướng của một người đang đứng trước mặt tôi? Cho nên, phải thấy trước, thì mới nhận ra tướng sau.

Hơn nữa, cái thấy của mình vẽ ra hình cái tướng. Cái thấy ví như con mắt, nếu trong mắt ta mang một kính áp tròng (contact lens) màu đỏ, thì đương nhiên các tướng ta nhận ra đều đỏ; nếu kính áp tròng màu xanh, thì mọi vật ta nhận ra đều là xanh.

Vì vậy, tri kiến trong tâm ta chính là cái sinh ra cái tướng ta thấy bên ngoài. Nếu trong tâm không có tri kiến thì không thể có tướng hư vọng bên ngoài. Vì vậy, muốn lìa tướng, ta phải lìa tri kiến. Muốn lìa tri kiến thì phải biết rằng chính tri kiến cũng là một loại tướng không thực: *Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức chẳng phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, ấy gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.*

Cho nên nếu phải sống với tri kiến thì sống với tri kiến, như là sống với tất cả các tướng khác, nhưng không thể chấp vào tri kiến, không thể bị lệ thuộc vướng mắc vào tri kiến. Nói theo ngôn ngữ hằng ngày là đừng có thành kiến.

Hay nói một cách triệt để hơn là đừng sinh ra tri kiến trong tâm. Nếu tri kiến không sinh bên trong, thì tướng hư vọng bên ngoài cũng không sinh. Nói theo ngôn ngữ hằng ngày là đừng sinh ra thành kiến trong lòng.

Người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tất cả pháp nên như thế mà biết, như thế mà thấy, như thế mà tin hiểu, không sanh pháp tướng. Có nghĩa là Bồ tát không sinh tri kiến trong tâm, và như vậy sẽ không sinh các pháp tướng bên ngoài. Không có gì để chấp.

Và mới vừa nói “không sanh pháp tướng” xong, Phật lại phải “chú thích” ngay: *Nói là pháp tướng đó, Như Lai nói tức chẳng phải pháp tướng, ấy gọi là pháp tướng.* Lời “chú thích” này dùng mỗi khi nói ra một từ nào trong kinh này là sự nhấn mạnh vào một điều quan trọng mà Phật muốn ta nhớ kỹ: Bất kỳ một từ nào, một tên nào, một hình ảnh nào, một ý niệm nào, một pháp nào, thì cũng đều là tướng hư vọng, không thể chấp.

Đoạn 32: ỨNG HÓA PHI CHÂN

Tu-bồ-đề! Nhược hữu nhân dĩ mãn vô lượng a-tăng-kỳ thế giới thất bảo, trì tụng bố thí; nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, phát Bồ-đề tâm giả, trì ư thủ kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị nhân diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ. Vân hà vị nhân diễn thuyết? Bất thủ ư tướng, như như bất động. Hà dĩ cố?

Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ diệc như điện,
Ứng tác như thị quán.

Phật thuyết thị kinh dĩ, trưởng lão Tu-bồ-đề cập chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nhất thiết thế gian thiên, nhân, a-tu-la văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỉ tín thọ phụng hành.

Dịch: ỨNG HÓA KHÔNG PHẢI THẬT

Này Tu-bồ-đề, nếu có người đem bảy báu bằng thế giới trải qua số kiếp vô lượng a-tăng-kỳ để bố thí. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Bồ-đề đem kinh này cho đến bốn câu kệ v.v... thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói thì phước của người này còn hơn phước của người kia. Thế nào là vì người diễn nói? Chẳng thủ nơi tướng, như như bất động. Vì có sao?

*Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương cũng như điện,
Nên khởi quán như thế.*

Phật nói kinh này rồi, trưởng lão Tu-bồ-đề và chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả thế gian trời, người, a-tu-la nghe Phật nói đều rất vui mừng, tin thọ và vâng làm.

Giải thích: Đây là đoạn kết của Kinh Kim Cang. Tất cả những gì ta đọc được trong kinh từ đầu đến nay đều được tóm tắt gói gọn trong đoạn này.

Nếu có người dùng bảy loại vật quý nhiều bằng cả thế giới mang ra bố thí, cho đến vô lượng kiếp, thì phước đức đương nhiên là vô lượng vô biên. Nhưng phước đức đó cũng không bằng phước đức của người phát tâm bồ đề, thọ trì, đọc tụng, vì người diễn nói chỉ bốn câu của kinh này.

Thế nào là vì người diễn nói? Không chấp vào tướng, như như bất động.

Câu này có hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất là thái độ khi diễn nói: Khi diễn nói thì không chấp vào “tôi” đang diễn nói, không chấp vào chúng sinh được diễn nói (Diễn nói cho tất cả chúng sinh nhưng thật không thấy chúng sinh nào được diễn nói), không chấp vào hành vi diễn nói, không chấp vào phước đức do diễn nói, lại không chấp vào các pháp được diễn nói. Diễn nói mà không chấp vào tướng nào. Diễn nói mà tâm như như bất động, hoàn toàn tịch tĩnh.

Nghĩa thứ hai là ý nghĩa của Kinh Kim Cang. Diễn nói cho mọi người tinh túy của kinh như thế này: “Không chấp vào tướng, như như bất động.”

Vì sao? Vì

*Tất cả pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương cũng như điện,
Nên khởi quán như thế.*

Pháp hữu vi không chỉ có nghĩa là những gì cụ thể có thể sờ mó được. Pháp hữu vi là tất cả những gì ta có thể thấy biết được qua sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, kể cả những tư tưởng những ý niệm trong tâm. “Pháp hữu vi” là một từ khác để chỉ “tướng.”

Nhiều người hiểu lầm hữu vi là những gì cụ thể, do đó họ không chấp những gì cụ thể, nhưng lại hay chấp vào những gì trừu tượng, nhất là Phật pháp của họ.

Tất cả pháp hữu vi, tất cả các tướng, đều như mộng, huyễn, bọt, bóng, sương, điện. Hãy nhìn các pháp hữu vi là như thế. Nhờ đó, ta sẽ không chấp vào các pháp hữu vi, các tướng.

Mộng, huyễn, bọt, bóng, sương, điện, không phải là không có, chỉ là không rõ, không chắc, không thật, không thường hằng. Cho nên nếu nói các pháp hữu vi là “không có” tức là ta đã “chấp không.” Pháp còn không chấp, huống là phi pháp.

Tóm lại, toàn Kinh Kim Cang có thể tóm vào một câu: “Không chấp các tướng, như như bất động.” Lìa bỏ các tướng là thấy Như Lai.

PHẦN TÓM TẮT

Sau khi đã đọc hết 32 đoạn kinh, ta có thể tóm tắt các ý chính của Kinh Kim Cang như sau:

- Ta, người, chúng sinh và tất cả mọi pháp đều vô ngã.
- Tất cả mọi điều ta thấy và biết được ngoài bên ngoài cũng như bên trong tâm ta, kể cả Phật pháp, đều là tướng, không thể chấp.
- Lìa tất cả tướng tức là không chấp vào bất kỳ điều gì.
- Tướng tuy là vô ngã nhưng không thể đoạn diệt tướng, vì trong tướng có tánh, tướng mất thì tánh mất.
- Tuy tướng không thể chấp, nhưng ta sống trong thế giới danh tướng, nên cứ vẫn phải tạm dùng danh tướng để mà nói với nhau và để hành động, như là bố thí hay diệt độ.
- Các pháp lành đều nên làm, nhưng làm mà không chấp vào đâu, không chấp cả phước đức và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

- Đó chính là sống lia tướng nhưng không đoạn diệt tướng. Là tất cả mọi tướng, như như bất động; đó chính là Như Lai.
- Kinh Kim Cang có thể tóm vào một câu cuối cùng: “Không chấp các tướng, như như bất động.” Nếu lại muốn tóm tắt câu này vào một chữ, thì đó là chữ “Xả”.

Trần Đình Hoàn

Washington DC

Thứ bảy, ngày 17 tháng 1 năm 2009.